

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BÊTÔNGDINCO

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0401333013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2010, thay đổi lần thứ 07 ngày 25 tháng 12 năm 2014)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số:/SGDCKHN-QĐ do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày ... tháng ... năm 2015)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

1. Công ty cổ phần Pacific Dinco

Địa chỉ: Lô C20 – C21 Cụm công nghiệp Thanh Vinh, xã Hòa Liên, huyện
 Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: (0511) 3737973 Fax: (0511) 3737972
Email: info@pacificdinco.com.vn
Website: www.pacificdinco.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Bà: Nguyễn Thị Thảo

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0401333013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2010, thay đổi lần thứ 07 ngày 25 tháng 12 năm 2014)

Địa chỉ: Lô C20 – C21 Cụm công nghiệp Thanh Vinh, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Điện thoại: (0511) 3737973 Fax: (0511) 3737972
Email: info@pacificdinco.com.vn
Website: www.pacificdinco.com.vn

BÊTÔNG DINCO

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Pacific Dinco
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu: **PDB**
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết: 8.100.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết: 81.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

❖ Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Địa chỉ: Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại: (0511) 3655886 Fax: (0511) 3655887
Email: aac@dng.vnn.vn Website: <http://www.aac.com.vn>

MỤC LỤC



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp	6
3. Rủi ro đặc thù.....	6
4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết.....	7
5. Rủi ro khác	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	9
1. Tổ chức niêm yết	9
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT	10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	12
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	12
1.1 Giới thiệu về Công ty.....	12
1.2 Quá trình hình thành và phát triển.....	13
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	15
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty (Trang tiếp theo).....	15
3.1 Đại hội đồng cổ đông	17
3.2 Hội đồng quản trị	17
3.3 Ban kiểm soát	17
3.4 Ban Tổng Giám đốc.....	18
3.5 Các phòng ban:	18
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông.....	24
4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần.....	24
4.2 Danh sách cổ đông sáng lập.....	25
4.3 Cơ cấu cổ đông.....	25
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.	26
5.1 Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty cổ phần Pacific Dincó	26
5.2 Danh sách các Công ty mà Công ty cổ phần Pacific Dincó nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối	26
6. Hoạt động kinh doanh	27
6.1 Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty.....	27
6.2 Năng lực sản xuất của Công ty	28

6.2	Các dự án tiêu biểu Công ty đã tham gia cung cấp sản phẩm, dịch vụ	31
6.3	Sản lượng, doanh thu sản phẩm, dịch vụ qua các năm	34
6.4	Nguyên vật liệu	39
6.5	Chi phí sản xuất	40
6.6	Trình độ công nghệ	42
6.7	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	46
6.8	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ	46
6.9	Hoạt động marketing	48
6.10	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	49
6.11	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	49
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	52
7.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2013 – 2014 và Quý 1 năm 2015	52
7.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	54
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	55
8.1	Vị thế của Công ty trong ngành	55
8.2	Đối thủ cạnh tranh	57
8.3	Triển vọng phát triển của ngành	57
8.4	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới	57
9.	Chính sách đối với người lao động	58
9.1	Thực trạng lao động	58
9.2	Chính sách đối với người lao động	58
10.	Chính sách cổ tức	60
11.	Tình hình hoạt động tài chính	61
11.1	Các chỉ tiêu cơ bản	61
11.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	67
12.	Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	68
12.1	Hội đồng Quản trị	69
12.2	Ban Tổng Giám đốc	75
12.3	Ban Kiểm soát	77
12.4	Kế toán trưởng	79
13.	Tài sản	80
13.1	Tài sản cố định hữu hình	80
13.2	Tài sản cố định thuê tài chính	81
13.3	Danh sách các bất động sản của Công ty đang quản lý và sử dụng	82
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	82
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	86

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết	86
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	87
1. Loại chứng khoán	87
2. Mệnh giá	87
3. Mã chứng khoán	87
4. Tổng số chứng khoán niêm yết	87
5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Công ty	87
6. Phương pháp tính giá:	88
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	89
8. Các loại thuế có liên quan	89
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	92
Tổ chức kiểm toán	92
VII. PHỤ LỤC	93

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

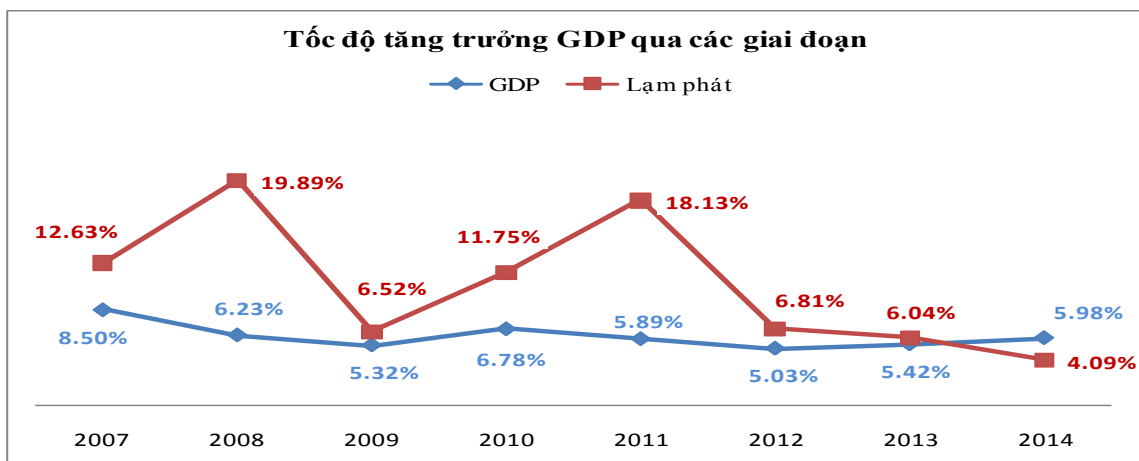
1. Rủi ro về kinh tế

Công ty cổ phần Pacific Dinco hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm, vì vậy môi trường kinh tế vĩ mô có những ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2013, tăng trưởng GDP đạt 5,42% thấp hơn mục tiêu mà Chính phủ đề ra là 5,5%, mặc dù tốc độ phục hồi còn chậm nhưng cũng đã có những dấu hiệu tích cực hơn so với năm 2012. Bước sang năm 2014, nền kinh tế vĩ mô trong nước đã có diễn biến theo hướng tích cực hơn. Tuy nhiên, tổng cầu của nền kinh tế vẫn tăng chậm, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp còn khó khăn, tồn kho hàng hóa vẫn ở mức cao, sức hấp thụ vốn của nền kinh tế còn yếu. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 2014 ước tính tăng 5,98% so với cùng kỳ năm 2013.

Trong năm 2012-2013, Chính phủ đã triển khai quyết liệt các biện pháp kiềm chế lạm phát và ổn định vĩ mô, nhờ đó mà lạm phát trong năm 2012 đã giảm rõ rệt xuống còn 6,81% so với 18,58% trong năm 2011 và năm 2013 là 6,04%. Năm 2014 tốc độ tăng giá tiêu dùng tiếp tục giảm mạnh, bình quân cả năm 2014 tăng 4,09%, thấp nhất trong 10 năm qua.

Trong năm 2015, chính phủ đề ra mục tiêu tăng trưởng GDP đạt 6,2% và lạm phát ở mức 5%. Theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP quý I/2015 ở mức 6,03% cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng 5,06% của quý I/2014, trong đó tăng trưởng cao nhất là khu vực công nghiệp và xây dựng với mức tăng 8,35% so với cùng kỳ năm 2014 chỉ tăng 4,42%. Đây là mức tăng trưởng GDP quý I cao nhất trong vòng 05 năm trở lại đây, cho thấy sự phục hồi tích cực của nền kinh tế Việt Nam ngày càng trở lên rõ nét hơn.



Nguồn : Tổng cục Thống kê

Bên cạnh lạm phát, lãi suất là một chỉ số tài chính quan trọng mà Công ty cần theo dõi và cập nhật hàng ngày nhằm đưa ra các chiến lược đầu tư hợp lý. Không phải bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng đều có một lượng vốn đủ lớn để tiến hành tổ chức sản xuất kinh doanh mà phần lớn đều phải huy động thêm từ các nguồn bên ngoài, trong đó một kênh phổ biến là thông qua vay vốn. Khi lãi suất tăng lên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Trong năm 2014, ngân hàng Nhà nước đã có quyết định về việc điều chỉnh giảm trần lãi suất huy động, cho vay bằng VNĐ cũng như lãi suất tiền gửi bằng USD từ ngày 29/10/2014. Điều chỉnh giảm lãi suất tiền gửi tối đa bằng VNĐ của các tổ chức, cá nhân, tại các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài từ mức 6% xuống 5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng trở lên tới 6 tháng. Giảm lãi suất tối đa với tiền gửi bằng USD của cá nhân từ mức 1%/năm xuống còn 0,75%. Lãi suất giảm là dấu hiệu tích cực cho các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản ở Việt Nam.

Tuy nhiên, để hạn chế tối đa tác động của lãi suất lên hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp nhằm thắt chặt chi phí như giảm vốn vay ngân hàng thay bằng các nguồn vốn khác như huy động vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh từ các cổ đông của Công ty qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

2. Rủi ro về luật pháp

Giống như các doanh nghiệp khác đang hoạt động sản xuất kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam. Bê tông Dinco cũng phải chịu sự tác động và chi phối của hệ thống pháp luật trong nước. Bên cạnh đó, doanh nghiệp đã là công ty đại chúng nên Công ty còn chịu sự tác động của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Việt Nam hiện vẫn là một nước đang phát triển, do đó Luật và các văn bản luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách là vấn đề tất yếu và ít nhiều gây ra ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên rủi ro pháp lý là rủi ro thuộc khía cạnh hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hiện nay Công ty đã có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh nên phần nào đã thích nghi với những sự thay đổi về môi trường pháp lý ở Việt Nam.

3. Rủi ro đặc thù

❖ Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Do đặc điểm của ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng lớn bởi những thay đổi của giá cả nguyên vật liệu đầu vào. Giá cả các loại vật liệu chính như cát, đá, xi măng, dầu Diesel... mà Công ty sử dụng chủ yếu được mua lại từ các công ty cung ứng trong nước và một số được nhập khẩu từ nước ngoài. Trong thực tế, những năm vừa qua, giá các loại nguyên vật liệu này biến động phức tạp gây ảnh hưởng đến kế hoạch và kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp sử dụng các nguồn nguyên vật liệu này nói chung và Công ty nói riêng.

Để giảm thiểu rủi ro từ sự biến động giá nguyên vật liệu đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã chủ động ký kết hợp đồng nguyên tắc từng năm, các hợp đồng dài hạn với các nhà cung ứng uy tín để đảm bảo nguồn nguyên vật liệu dự trữ luôn dồi dào, cân đối theo khối lượng công việc trong từng giai đoạn.

❖ **Rủi ro về sản lượng và tiêu thụ sản phẩm**

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được xây dựng dựa vào một phần của công tác dự báo sản lượng sản phẩm được sản xuất và khả năng tiêu thụ sản phẩm trong các năm tới. Do đó, nếu có yếu tố khách quan hoặc bất khả kháng nào làm sản lượng sản phẩm được sản xuất và khả năng tiêu thụ sản phẩm thực tế thấp hơn dự báo cũng có thể ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Rủi ro tài chính**

Trong hoạt động thi công xây dựng thì thời gian thường kéo dài so với thời gian dự kiến ban đầu, việc nghiệm thu, bàn giao, quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Vì vậy, việc thu hồi nợ, quay vòng vốn từ các công trình là rất chậm, đây là đặc thù của ngành dù Công ty đã ngăn ngừa và rất chủ động trong việc quản lý công nợ.

❖ **Rủi ro cạnh tranh**

Hiện nay, nước ta có nhiều công ty bê tông hoạt động, đặc biệt, các công ty lớn ở hai miền đất nước cũng có chi nhánh hoạt động tại Miền Trung và các vùng phụ cận, tạo ra sự cạnh tranh mới trong ngành tại khu vực. Công ty đã xây dựng được uy tín tốt đối với khách hàng tại khu vực Miền Trung và các vùng phụ cận trong thời gian qua, cho nên, việc vừa cạnh tranh, vừa bảo vệ được uy tín của mình, cũng sẽ là áp lực đối với mục tiêu tăng doanh số và lợi nhuận của Công ty.

4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết

Giá của một loại cổ phiếu tại từng thời điểm được xác định bởi cung cầu trên thị trường, mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Khi cổ phiếu của Bê tông Dinco được niêm yết trên Sở Giao dịch

Chứng khoán Hà Nội, việc biến động giá cổ phiếu của Công ty sẽ không chỉ phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty mà còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác như: tình hình thực hiện công bố thông tin, tình hình cung cầu của thị trường đối với cổ phiếu của Công ty,...Để giảm thiểu tối đa những rủi ro có thể xảy ra đối với biến động giá cổ phiếu, Công ty đã ban hành Quy trình Công bố thông tin. Công ty và các cá nhân có liên quan đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định trong Thông tư 52/2012/TT-BTC ban hành ngày 05/04/2012 quy định về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Điều này sẽ giúp các nhà đầu tư tiếp cận được với những thông tin liên quan của Công ty một cách chính xác và hiệu quả. Từ đó, các nhà đầu tư có thể đưa ra được quyết định đầu tư đúng đắn hơn.

5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro kể trên, Công ty cũng có khả năng gặp phải các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Công ty đã mua bảo hiểm rủi ro cho các tài sản như nhà xưởng, phương tiện vận tải và bảo hiểm con người.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Lê Trường Kỳ

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Ông Đặng Tiến Đức

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông Lê Anh Long

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Ông Phạm Văn Phước

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết và quản lý, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

- 1/ “Công ty”:** Công ty cổ phần Pacific Dingo.
- 2/ “Bản cáo bạch”:** Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
- 3/ “Cổ phần”:** Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- 4/ “Cổ phiếu”:** Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Công ty.
- 5/ “Cổ đông”:** Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
- 6/ “Cổ tức”:** Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.
- 7/ “Điều lệ Công ty”:** Điều lệ Công ty cổ phần Pacific Dingo.
- 8/ “Đại hội đồng cổ đông”:** Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Pacific Dingo.
- 9/ “Hội đồng quản trị”:** Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Pacific Dingo.
- 10/ “Ban kiểm soát”:** Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Pacific Dingo.
- 11/ “Ban Tổng Giám đốc”:** Ban Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Pacific Dingo.
- 12/ “Vốn điều lệ”:** Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.
- 13/ “Tổ chức niêm yết”:** Công ty cổ phần Pacific Dingo.
- 14/ “Tổ chức kiểm toán”:** Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- **TTCK** : Thị trường chứng khoán
- **UBCKNN** : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- **HNX** : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- **TTLK** : Trung tâm Lưu ký
- **TVLK** : Thành viên Lưu ký
- **UBND** : Ủy ban nhân dân
- **ĐHĐCĐ** : Đại hội đồng cổ đông
- **HĐQT** : Hội đồng quản trị
- **BKS** : Ban kiểm soát
- **Bê tông Dinco** : Công ty cổ phần Pacific Dinco
- **TGD** : Tổng giám đốc
- **BTGD** : Ban Tổng giám đốc
- **CBCNV** : Cán bộ công nhân viên
- **TNDN** : Thu nhập doanh nghiệp
- **TSCĐ** : Tài sản cố định
- **TSLĐ** : Tài sản lưu động
- **VSCH** : Vốn chủ sở hữu
- **Giấy CNĐKKD** : Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- **Số CMND** : Số chứng minh nhân dân
- **WTO** : Tổ chức Thương mại Thế giới
- **BCTC** : Báo cáo tài chính
- **BCĐKT** : Bảng cân đối kế toán
- **KCN** : Khu công nghiệp
- **CP** : Cổ phiếu
- **CĐ** : Cổ đông
- **DVT** : Đơn vị tính

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO**
- Tên tiếng Anh: **PACIFIC DINCO CORPORATION**
- Trụ sở chính: Lô C20-C21 Cụm công nghiệp Thanh Vinh, Xã Hoà Liên, Huyện Hoà Vang, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (0511) 3737973
- Fax: (0511) 3737972
- Email: info@pacificdinco.com.vn
- Website : www.pacificdinco.com.vn
- Logo:

BÊTÔNG DINCO

- Vốn điều lệ đăng ký: **81.000.000.000** đồng
- Vốn điều lệ thực góp: **81.000.000.000** đồng
- Ngày trở thành công ty đại chúng: Ngày 17/03/2015
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0401333013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 18 tháng 10 năm 2010, thay đổi lần thứ 07 ngày 25 tháng 12 năm 2014.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - ✓ Sản xuất bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông đúc sẵn;
 - ✓ Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô;
 - ✓ Bán buôn vật liệu xây dựng;
 - ✓ Bán máy móc thiết bị xây dựng;
 - ✓ Thi công cảnh quan sân vườn;
 - ✓ Trồng và chăm sóc cây xanh;
 - ✓ Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng;
 - ✓ Xây dựng công trình cầu, đường;
 - ✓ Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
 - ✓ Bán buôn hóa chất, phụ gia xử lý chống thấm...

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Pacific Dinco tiền thân là Xí nghiệp Bê tông Dinco – trực thuộc Công ty cổ phần Dinco, được thành lập vào năm 2007 với mục tiêu tự sản xuất ra bê tông thương phẩm chất lượng cao để phục vụ cho chính Công ty.

Năm 2010, với mục tiêu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao thương hiệu nên Ban lãnh đạo Công ty cổ phần Dinco đã quyết định chuyển đổi xí nghiệp Bê tông Dinco thành một Công ty độc lập – Công ty cổ phần Pacific Dinco với sự tham gia của nhiều cổ đông có kiến thức và kinh nghiệm cùng cán bộ công nhân viên Công ty.

Ngày 18 tháng 10 năm 2010 Công ty cổ phần Pacific Dinco được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu và đăng ký thuế số 0401333013 với vốn điều lệ là 36,66 tỷ đồng, lĩnh vực hoạt động chủ yếu là sản xuất, cung cấp bê tông thương phẩm.

Ngày 12/11/2010 Công ty được UBND Thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 32121000052 để thực hiện dự án đầu tư Nhà máy sản xuất Bê tông thương phẩm với tổng vốn đầu tư là 85 tỷ đồng, thời gian thực hiện dự án là 50 năm.

Năm 2011, Công ty mở rộng thị trường, đầu tư thêm 01 trạm 90m³/h để phục vụ cho Dự án Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1 tại Khu kinh tế Nghi Sơn – huyện Tĩnh Gia – Tỉnh Thanh Hóa với tổng khối lượng bê tông cung cấp cho dự án là 130.000 m³ trong gần 3 năm 2011-2013.

Năm 2012, công ty tiếp tục khai thác thị trường tại Hà Tĩnh, cung cấp bê tông cho Dự án Formosa - Khu kinh tế Vũng Áng – Hà Tĩnh.

Đến năm 2014, công ty đã kết thúc Hợp đồng các Dự án ở Thanh Hóa, Hà Tĩnh, và tập trung 05 trạm trộn bê tông cung cấp cho thị trường từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi với các dự án lớn như: Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Khách sạn Silver Shore, nhà máy Number One...

Tháng 4/2013, Công ty được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

Từ khi thành lập đến nay, Bê tông Dinco đã góp phần không nhỏ tạo nên thành công của nhiều công trình trọng điểm tại Đà Nẵng và Quảng Nam cũng như các tỉnh Miền Trung. Các dự án tiêu biểu như dự án Cầu Rồng – Đà Nẵng, cầu Trần Thị Lý - Đà Nẵng, Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Nam, Nhà máy may mặc Groz Beckert Việt Nam; Khu du lịch Laguna – Huế, Nhà ga quốc tế sân bay Đà Nẵng, v.v...

Từng bước chậm rãi và chắc chắn với sự nỗ lực không ngừng, đến nay Bê tông Dinco đã trở thành nhà cung cấp bê tông hàng đầu với mạng lưới phục vụ trên toàn quốc

và là sự lựa chọn tối ưu của các nhà thầu xây dựng, chủ đầu tư trong và ngoài nước, mang đến cho quý khách hàng sự hài lòng tuyệt đối về chất lượng sản phẩm và dịch vụ của mình.

❖ **Quá trình tăng Vốn Điều lệ của Công ty**

Bảng 1. *Quá trình tăng vốn điều lệ từ khi Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần cho đến nay*

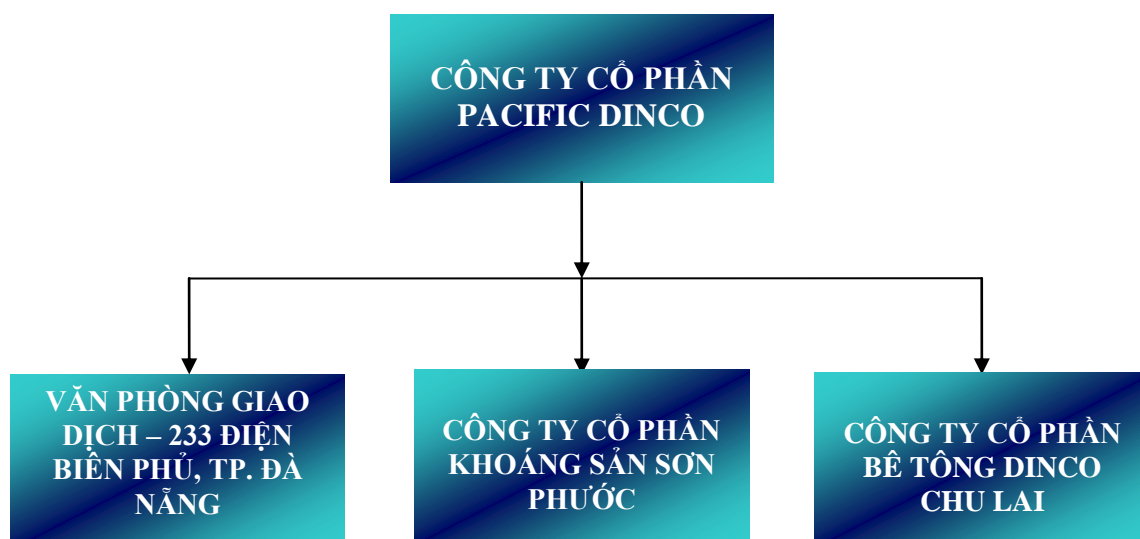
Thời gian	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Vốn điều lệ tăng thêm (Triệu đồng)	Đối tượng phát hành	Hình thức phát hành	Căn cứ pháp lý
Khi thành lập: 18/10/2010	36.662,26			1. Chia cổ phiếu thưởng cho CDHH: - Số lượng phát hành: 1.393.167 cổ phần - Tỷ lệ: 100:38 - Ngày hoàn thành đợt phát hành: 12/12/2014.	- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0401333013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 18/10/2010.
Đợt 1: Năm 2014	81.000	44.337,74	- Cổ đông hiện hữu - Nhà đầu tư khác.	2. Tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu năm 2014 cho cổ đông hiện hữu: - Số lượng phát hành: 494.947 cổ phần - Tỷ lệ: 100:13,5 - Ngày hoàn thành đợt phát hành: 12/12/2014. 3. Phát hành cho cổ đông hiện hữu: - Số lượng phát hành: 879.896 cổ phần - Tỷ lệ phát hành: 100:24 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần. - Ngày hoàn thành đợt phát hành: 22/12/2014. 4. Phát hành riêng lẻ cho 03 nhà đầu tư: - Số lượng phát hành: 1.665.764 cổ phần - Giá phát hành: 10.000	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/12/2014. - Công văn 2916/SKHĐT-ĐKKD ngày 19/12/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401333013 thay đổi lần thứ 7 ngày 25/12/2014. - Nghị quyết HĐQT số 03/2014/NQ-HĐQT ngày 09/12/2014. - Nghị quyết HĐQT số 06/2014/NQ-HĐQT ngày 19/12/2014.

Thời gian	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Vốn điều lệ tăng thêm (Triệu đồng)	Đối tượng phát hành	Hình thức phát hành	Căn cứ pháp lý
				đồng/cổ phần - Ngày hoàn thành đợt phát hành: 22/12/2014.	

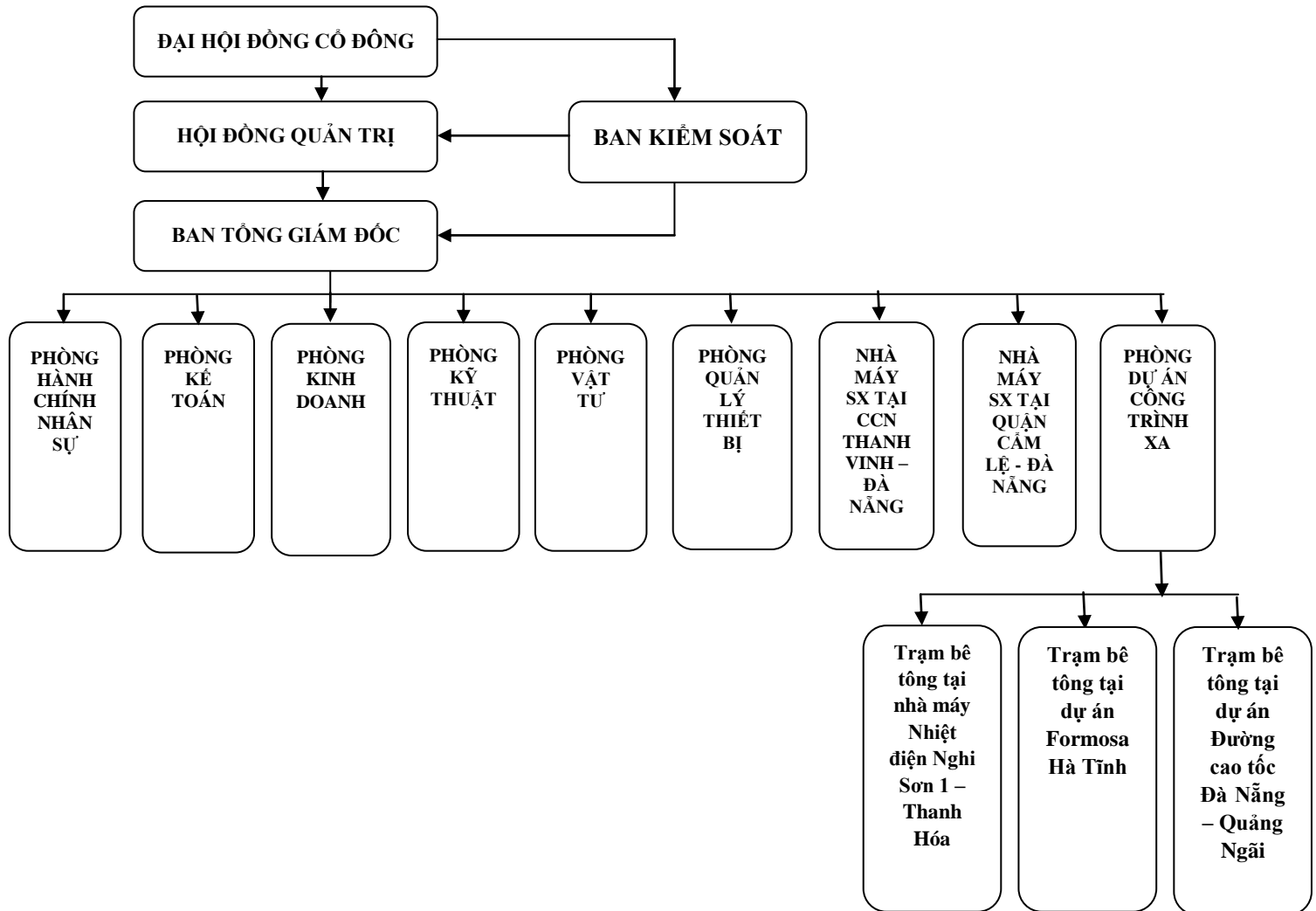
Nguồn: Bê tông Dinco

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty (Trang tiếp theo)

Sơ đồ 2: *Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty*

3.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty và có quyền quyết định thông qua những vấn đề được Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

Đại hội đồng cổ đông thường niên: Có nhiệm vụ quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển Công ty và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, dài hạn của Công ty; Thông qua phương án sử dụng vốn và tài sản của Công ty, phương án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công nghệ; Thông qua báo cáo HĐQT và BKS về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty; Bầu, bãi miễn thành viên HĐQT và BKS; Quyết định số lợi nhuận trích lập các quỹ, bổ sung vốn, lợi nhuận chia cho cổ đông; Biểu quyết chấp thuận tăng hoặc giảm vốn điều lệ; đối tượng mua cổ phần hoặc trái phiếu; số lượng, cơ cấu mỗi đợt phát hành; Quyết định thù lao của các thành viên HĐQT, BKS; Thông qua điều chỉnh, bổ sung Điều lệ của Công ty;....

Đại hội đồng cổ đông bất thường: được triệu tập để xem xét giải quyết các vấn đề bất thường trong Công ty: Sửa đổi hoặc bổ sung Điều lệ của Công ty; Xem xét, xử lý các vấn đề tài chính và hoạt động kinh doanh bất thường trong Công ty hoặc những vấn đề tranh chấp, tố tụng nghiêm trọng; Bãi miễn, bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS.

3.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty bao gồm 05 thành viên. Trong đó có 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch và 03 Ủy viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể: Chịu trách nhiệm triệu tập ĐHĐCĐ; Trình ĐHĐCĐ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, dự kiến phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức; Xem xét các phương án sản xuất kinh doanh, huy động vốn; Quyết định cơ cấu, tổ chức bộ máy; Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty theo quy định của luật doanh nghiệp; Quyết định phê duyệt các phương án đầu tư vốn của Công ty; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc.... Cơ cấu HĐQT hiện nay của Công ty như sau :

- | | |
|---------------------------------|--------------------------|
| ▪ Ông Lê Trường Kỳ | Chủ tịch HĐQT |
| ▪ Bà Huỳnh Phước Huyền Vy | Phó Chủ tịch HĐQT |
| ▪ Ông Đặng Tiến Đức | Thành viên HĐQT kiêm TGD |
| ▪ Ông Đinh Ngọc Đạm | Thành viên HĐQT |
| ▪ Bà Nguyễn Nguyễn Thị Kim Liên | Thành viên HĐQT |

3.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn theo thể thức biểu quyết

công khai hoặc bỏ phiếu kín tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên có nhiệm vụ kiểm soát các hoạt động quản trị, điều hành, kinh doanh và tài chính của Công ty; Tiến hành giám sát theo Điều lệ công ty đối với HĐQT, Tổng giám đốc điều hành trong quá trình thi hành nhiệm vụ; Có quyền tìm hiểu số liệu, tài liệu và các thuyết minh có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Báo cáo trước ĐHĐCĐ về những sự kiện tài chính bất thường xảy ra trong Công ty; Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.... Cơ cấu BKS hiện nay của Công ty như sau :

- | | |
|-----------------------------|------------|
| ▪ Ông Lê Anh Long | Trưởng ban |
| ▪ Ông Chu Văn Tuấn | Thành viên |
| ▪ Bà Nguyễn Thị Minh Phượng | Thành viên |

3.4 Ban Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ Tổng giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Tổng giám đốc có nhiệm vụ: Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật; Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty; Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật; Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty; Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua; Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Tổng Giám đốc bao gồm 03 thành viên sau:

- | | |
|------------------------|-------------------|
| ▪ Ông Đặng Tiến Đức | Tổng Giám đốc |
| ▪ Ông Nguyễn Văn Triều | Phó Tổng Giám đốc |
| ▪ Bà Nguyễn Thị Thảo | Phó Tổng Giám đốc |

3.5 Các phòng ban:

Phòng Hành chính Nhân sự:

Phòng Hành chính nhân sự là đơn vị thuộc bộ máy quản lý của Công ty, có chức năng tham mưu và giúp Ban Tổng giám đốc về công tác tổ chức nhân sự, công tác lao động, tiền lương, thi đua khen thưởng, công tác hành chính, công tác vệ sinh an toàn lao động.....

Phòng hành chính nhân sự có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tham mưu giúp việc cho Ban Tổng giám đốc Công ty trong công tác nhân sự, công tác tổ chức, xây dựng mô hình tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV.
- Quản lý đội ngũ cán bộ, công nhân viên. Tham mưu cho Tổng giám đốc và thực hiện việc tuyển dụng người lao động, bố trí, sắp xếp lao động phù hợp, đề bạt cán bộ để cấp có thẩm quyền bổ nhiệm.
- Tham mưu trực tiếp cho Ban Tổng giám đốc thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động như: Tiền lương, bảo hiểm xã hội, chế độ thai sản, hưu trí đồng thời điều hành công tác hành chính của Công ty.
- Xây dựng và thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động.
- Xây dựng và thực hiện công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật đối với nhân sự trong Công ty.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Quản lý, theo dõi và kiểm tra công tác thực hiện vệ sinh an toàn lao động của CBCNV, biên soạn các tiêu chuẩn thao tác và hướng dẫn an toàn lao động; Giải quyết các vấn đề, sự cố an toàn do thi công gây ra nếu có.
- Thực hiện các hoạt động nghiệp vụ văn thư như: soạn thảo, ban hành văn bản; quản lý lưu trữ văn bản đi, đến; quản lý và sử dụng con dấu theo đúng quy định của pháp luật và quy định công ty.
- Thực hiện các công việc khác được Tổng giám đốc giao.

Phòng Kế toán:

Phòng Kế toán là đơn vị thuộc bộ máy quản lý của Công ty, có chức năng tham mưu cho ban Tổng giám đốc về công tác tài chính, công tác kế toán, công tác kiểm toán nội bộ, công tác quản lý tài sản, công tác thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế, kiểm soát các chi phí hoạt động của Công ty, quản lý vốn tài sản của Công ty.

Phòng Kế toán có chức năng và nhiệm vụ sau:

- Tham mưu cho Ban Giám đốc các vấn đề liên quan trong lĩnh vực tài chính, công tác quản lý tài sản, vật tư, công nợ; Công tác thanh quyết toán hợp đồng kinh tế; Kiểm soát các chi phí hoạt động của Công ty.
- Ghi chép toàn bộ các số liệu phát sinh liên quan đến tình hình tài chính của công ty nhằm phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.
- Tổ chức hạch toán các nghiệp vụ kế toán phát sinh theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo quy định chế độ kế toán hiện hành của nhà nước, phản ánh trung thực kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Phân tích tình hình tài chính, cân đối nguồn vốn, công nợ... trong công ty và báo cáo định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ban Giám đốc.
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính cho Ban giám đốc.
- Lập phương án tài chính, vốn, ... đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của Công ty.
- Lưu trữ chứng từ kế toán ngăn nắp và đầy đủ theo quy định của nhà nước và theo quy chế công ty.
- Chủ trì xây dựng, soạn thảo các văn bản có liên quan đến công tác tài chính, kế toán, các quy định về quản lý chi tiêu tài chính.
- Chủ trì làm việc với các cơ quan thuế, kiểm toán, thanh tra ...
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi lãnh đạo công ty yêu cầu.

Phòng Kinh doanh:

Phòng kinh doanh là đơn vị thuộc bộ máy quản lý của Công ty, có chức năng tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, phối hợp hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý hợp đồng kinh tế, thanh quyết toán hợp đồng kinh tế, chăm sóc khách hàng, công tác marketing....

Phòng Kinh doanh có nhiệm vụ sau:

- Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu, giúp việc Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời tham mưu cho Hội đồng quản trị cũng như Ban Tổng giám đốc định hướng phát triển trung và dài hạn của Công ty.
- Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh đã được đại hội cổ đông thông qua sẽ lập kế

hoạch kinh doanh tổng thể trong từng tháng, quý, từng năm để trình Ban Tổng giám đốc xem xét phê duyệt.

- Tìm hiểu thông tin về nhu cầu thị trường, yêu cầu về chất lượng, giá cả, tìm kiếm khai thác thị trường và tiếp cận khách hàng mới.
- Thống kê và quản lý tình hình thực hiện các công việc sản xuất kinh doanh của Công ty, theo dõi và quản lý khối lượng bê tông sản xuất.
- Điều phối công tác sản xuất hàng ngày.
- Chủ trì soạn thảo và quản lý các hợp đồng kinh tế, phối hợp cùng các phòng nghiệp vụ kiểm tra theo dõi công tác liên quan đến việc thực hiện các hợp đồng kinh tế.
- Theo dõi quá trình thực hiện hợp đồng, phản ánh kịp thời các sự cố, xử lý hoặc đề xuất xử lý kịp thời các sự cố trong quá trình hợp đồng kể từ khi thương thảo dự thảo hợp đồng, ký kết hợp đồng, thực hiện đến khi kết thúc thanh lý hợp đồng.
- Phụ trách công tác báo giá thương mại và lập ra văn bản báo giá.
- Thực hiện công tác lập hồ sơ thanh toán khối lượng cung ứng bê tông theo thời hạn của hợp đồng kinh tế.
- Triển khai các hoạt động hỗ trợ khách hàng, xử lý khiếu nại của khách hàng.
- Làm mới thương hiệu, xây dựng chiến lược marketing cho các dự án.

Phòng Kỹ thuật:

Phòng kỹ thuật là đơn vị thuộc bộ máy quản lý Công ty, có chức năng tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về công tác kỹ thuật, chất lượng vật liệu đầu vào, chất lượng sản phẩm sau khi sản xuất và trước khi cung cấp cho khách hàng, thiết kế cấp phối bê tông, quản lý mẫu bê tông.

Phòng Kỹ thuật có chức năng, nhiệm vụ sau:

- Kiểm soát chất lượng vật tư đầu vào như xi măng, phụ gia, cát, đá trước khi sản xuất.
- Kiểm soát chất lượng bê tông của từng mẻ trộn: độ sụt, độ đồng nhất (tỷ lệ cát, độ dẻo của hồ xi măng) theo đúng thiết kế cấp phối mà khách hàng yêu cầu.
- Kiểm tra chất lượng bê tông khi cung cấp cho khách hàng. Kiểm tra độ sụt, đúc mẫu và bảo quản mẫu, giao phiếu giao hàng và ký xác nhận với khách hàng.
- Tổng hợp khối lượng bê tông đã cung cấp tại công trình vào Biên bản tổng hợp khối lượng, điền đầy đủ thông tin theo đúng mẫu công ty quy định làm cơ sở để lập hồ sơ thanh toán khối lượng cung ứng bê tông theo thời hạn của hợp

đồng kinh tế.

- Thiết kế cấp phối bê tông (trộn thử, đúc mẫu tại trạm trộn hoặc phòng thí nghiệm) theo yêu cầu khách hàng và đúng theo quy trình.
- Phối hợp với các phòng thí nghiệm có chức năng để hoàn thành kết quả thiết kế và nén mẫu cung cấp cho khách hàng đúng thời gian.
- Báo cáo tình hình chất lượng bê tông cho Ban Tổng giám đốc dựa trên kết quả nén mẫu.
- Nghiên cứu các loại vật liệu mới (phụ gia, xi măng, cốt liệu mới) để có những cải tiến chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Phòng Vật tư:

Phòng Vật tư là đơn vị thuộc bộ máy quản lý của công ty, có chức năng tham mưu và giúp Ban Tổng giám đốc về công tác cung cấp thông tin kinh tế, giá cả thị trường các chủng loại vật tư nguyên vật liệu cho các phòng ban liên quan. Mua sắm, cung cấp vật tư nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm.

Phòng vật tư có chức năng và nhiệm vụ sau:

- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh để xây dựng kế hoạch mua sắm vật tư và cung cấp vật tư nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.
- Thực hiện công tác thu mua vật tư cung cấp cho nhu cầu của toàn Công ty.
- Đàm phán, thương thuyết, ký kết hợp đồng với các nhà cung ứng, thanh lý và gia hạn hợp đồng.
- Soạn thảo, lưu trữ, phân loại hợp đồng, đơn đặt hàng mua nguyên vật liệu (cát, đá, xi măng, phụ gia), hợp đồng thuê thiết bị, hợp đồng vật tư.
- Cập nhật danh sách khách hàng, chủng loại, đơn giá đã được phê duyệt hợp đồng- đối với vật tư chính: cát, đá, xi măng, phụ gia nhằm cung cấp theo yêu cầu của các trạm nhằm phục vụ công tác sản xuất.
- Trình Tổng giám đốc phê duyệt: Nhu cầu, đơn giá, nhà cung ứng, các điều kiện thực hiện hợp đồng nhằm đáp ứng nhu cầu.
- Theo dõi quá trình đặt và nhận hàng: thời gian, tiến độ giao hàng, địa điểm, kiểm tra chủng loại, chất lượng một cách khái quát.

Phòng quản lý thiết bị:

Phòng Quản lý thiết bị là đơn vị thuộc bộ máy quản lý của công ty, có chức năng tham mưu và giúp cho Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý đội xe, thiết bị của Công ty, công tác sửa chữa, bảo dưỡng xe, máy móc, thiết bị.

Phòng Quản lý thiết bị có nhiệm vụ:

- Điều tiết, phân bổ, bố trí thiết bị trong đội xe đảm bảo kế hoạch sản xuất của

từng trạm.

- Đào tạo, hướng dẫn đội ngũ nhân viên trong đội xe đảm bảo vận hành, hoạt động đúng quy trình các thiết bị liên quan. Hướng dẫn quy trình bảo dưỡng thiết bị cho người vận hành. Theo dõi nhân sự lái xe, đảm bảo công tác vệ sinh xe thiết bị sạch sẽ và không vượt mức tiêu hao nhiên liệu theo quy định công ty.
- Phân công, bàn giao tài xế theo từng xe.
- Thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm xe và thiết bị khi có sự cố xảy ra.
- Xây dựng hồ sơ, lý lịch thiết bị. Theo dõi thời hạn đăng kiểm, bảo hiểm thiết bị.
- Đảm bảo công tác quản lý và sử dụng an toàn thiết bị.
- Kiểm tra, vệ sinh xe thiết bị định kỳ, đột xuất và hàng tháng (phối hợp với bộ phận hành chính, bảo trì xe, trạm trưởng, trạm phó, bộ phận kinh doanh).
- Công tác sửa chữa, bảo dưỡng: Kiểm tra, lập kế hoạch bảo trì có khoa học không ảnh hưởng đến sản xuất cung ứng cho khách hàng. Thực hiện sửa chữa, theo dõi tiến độ sửa chữa khi các thiết bị hư hỏng, gặp sự cố. Theo dõi kiểm tra kế hoạch bảo dưỡng xe định kỳ, thay thế thiết bị, đảm bảo đúng yêu cầu của nhà sản xuất.
- Quản lý, theo dõi nhà thầu phụ, nhà cung ứng: Thiết lập mạng lưới các nhà cung ứng, thầu sửa chữa, gia công và cung cấp thiết bị. Theo dõi, kiểm tra công tác sửa chữa thiết bị do nhà thầu phụ bên ngoài thực hiện.

Các nhà máy sản xuất:

Các nhà máy sản xuất là đơn vị thuộc bộ máy quản lý của công ty, có chức năng tham mưu và giúp cho Ban Tổng giám đốc trong quá trình sản xuất và cung cấp bê tông cho khách hàng.

Các nhà máy sản xuất có chức năng và nhiệm vụ sau:

- Nhận kế hoạch sản xuất từ phòng Kinh doanh, sắp xếp, phân bố lịch sản xuất cung cấp bê tông cho khách hàng theo thông báo sản xuất đảm bảo đúng giờ, kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, năng suất.
- Thông báo kế hoạch sản xuất cung cấp bê tông và sắp xếp nhân sự cho các bộ phận: trạm trộn, đội xe, thí nghiệm, các bộ phận khác có liên quan...
- Giám sát, kiểm tra quá trình cung cấp bê tông cho khách hàng theo lịch thông báo sản xuất.
- Tổ chức điều phối sản xuất phù hợp với năng lực và nhu cầu của khách hàng.
- Lập kế hoạch cho nhu cầu vật tư đầu vào phục vụ sản xuất cung cấp bê tông

cho khách hàng.

- Thực hiện công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị theo định kỳ tránh hư hỏng thiết bị do chủ quan gây ra để đảm bảo trạm hoạt động tốt.
- Tổ chức bồi dưỡng huấn luyện để nâng cao trình độ, tay nghề cho CBCNV.
- Thực hiện đầy đủ các quy định, thường xuyên kiểm tra về an toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường tại các nhà máy.
- Báo cáo tình hình sản xuất, khối lượng sản xuất, vật tư tiêu hao hàng ngày cho Phòng kinh doanh, Phòng kế toán, Phòng vật tư và Ban Tổng giám đốc.

Phòng dự án các công trình xa:

Phòng dự án công trình xa là đơn vị thuộc bộ máy quản lý của công ty, có chức năng tham mưu và giúp cho Ban Tổng giám đốc trong việc tìm kiếm, lập hồ sơ đấu thầu các dự án, công trình; Công tác đầu tư phát triển dự án, quản lý và khai thác các dự án đảm bảo hiệu quả cao.

Phòng dự án công trình xa có nhiệm vụ:

- Chủ động trong công tác tìm kiếm công trình, lập hồ sơ đấu thầu các công trình, các dự án đảm bảo chính xác, kịp thời, giá cả hợp lý có tính cạnh tranh.
- Tổng hợp số liệu, báo cáo kết quả thực hiện các dự án, phân tích hiệu quả kinh tế các công trình, các dự án đầu tư.
- Thương thảo các Hợp đồng kinh tế trình Tổng giám đốc Công ty ký kết.
- Theo dõi tình hình sản xuất kinh doanh đối với những dự án đã và đang thực hiện.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần

Bảng 2. *Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 15/04/2015*

Stt	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty cổ phần Dincó	Số 173A Nguyễn Lương Bằng, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	1.760.688	21,74

	Tổng cộng		1.760.688	21,74
--	------------------	--	------------------	--------------

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Bảng 3. *Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ*

Stt	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty cổ phần Dinco	173A Nguyễn Lương Bằng, phường Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	799.080	21,80
2	Lê Trường Kỳ	Tổ 46, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	172.800	4,71
3	Đặng Tiến Đức	K236/53 Trần Cao Vân, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	28.120	0,77
4	Các cổ đông khác	-	2.666.226	72,72
	Tổng cộng		3.666.226	100

Nguồn: Giấy CNĐKKD số 0401333013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 18/10/2010.

Ghi chú: Công ty cổ phần Pacific Dinco được cấp Giấy CNĐKKD lần đầu ngày 18/10/2010. Do đó, theo quy định tại Khoản 5, Điều 84, Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 thời hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực.

4.3 Cơ cấu cổ đông

Bảng 4. *Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 15/04/2015*

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
	Cổ đông trong nước	106	8.100.000	100%
1	- Cổ đông tổ chức	01	1.760.688	21,74%
	- Cổ đông cá nhân	105	6.339.312	78,26%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
	TỔNG CỘNG	106	8.100.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty

- 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.**

5.1 Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty cổ phần Pacific Dinco

Không có.

5.2 Danh sách các Công ty mà Công ty cổ phần Pacific Dinco nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối

1. Công ty cổ phần Bê tông Dinco Chu Lai

- Địa chỉ: KCN và Hậu cần cảng Tam Hiệp, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: (0510) 3 567530 Fax: (0510) 3 567530
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp đến 31/03/2015: 11.705.670.000 đồng
- Giấy CNĐKKD số: 4000883440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 27 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 04/07/2013.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất gạch bê tông khí chưng áp, sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn, sản xuất bê tông thương phẩm, cho thuê máy móc, thiết bị
- Tỷ lệ nắm giữ: 98,04%
- Giá trị đầu tư: 11.247.780.000 đồng

2. Công ty cổ phần Khoáng sản Sơn Phước

- Địa chỉ: Tầng 2 – 173A Nguyễn Lương Bằng, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Điện thoại: (0511) 3 792555 Fax: (0511) 3 792557
- Vốn điều lệ: 11.000.000.000 đồng
- Vốn thực góp đến 31/03/2015: 11.000.000.000 đồng

- Giấy CNĐKKD số: 0401375415 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 08 tháng 09 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 29 tháng 12 năm 2014.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác đá, san lấp mặt bằng, cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, kinh doanh vận tải bằng ô tô.
- Tỷ lệ nắm giữ : 76,27%
- Giá trị đầu tư: 8.390.000.000 đồng

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty

Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bê tông tươi. Với những nỗ lực tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường của Ban điều hành Công ty, cùng với năng lực về kỹ thuật, thiết bị, tài chính, con người, cuối năm 2010, Công ty đã được tập đoàn Marubeni – Nhật Bản và tập đoàn JuRong – Singapore lựa chọn là nhà cung cấp bê tông duy nhất cho dự án Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1 tại khu Kinh tế Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Trong gần 3 năm 2011 – 2013, Công ty đã cung cấp 130.000 m³ bê tông cho dự án này.

Phát huy thế mạnh trong công tác lắp đặt trạm trộn bê tông tại công trường cùng với kinh nghiệm thực tế trong những dự án công trình xa, công ty đã mở rộng thị trường đến Hà Tĩnh vào năm 2012. Bê tông Dinco đã được lựa chọn là nhà cung cấp bê tông cho các công trình thuộc Dự án Formosa - Khu kinh tế Vũng Áng, Hà Tĩnh: Khu ký túc xá nhân viên KLMN; Khu căn tin; Nhà ăn nhân viên của công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh; điện lực Formosa. Từ dự án Formosa, Công ty tiếp tục khai thác thị trường tại Hà Tĩnh. Từ năm 2012 đến 2013, công ty đã cung cấp bê tông cho nhiều công trình khác như: Cầu Sông Quyền; Nhà máy Sơn Khánh Lực...

Ngoài những sản phẩm bê tông truyền thống thông thường, công ty không ngừng nghiên cứu và sản xuất các loại bê tông khác có tính năng đặc biệt đáp ứng yêu cầu khách hàng. Năm 2013, Công ty được Viola và Vinausen lựa chọn cung cấp bê tông nhẹ chịu nhiệt (sản phẩm mới của Công ty) cho dự án lò đốt xử lý Dioxin tại Sân bay Đà Nẵng. Trong vòng 02 tháng Công ty đã cung cấp hơn 5.000 m³ bê tông cho dự án này.

Hoàn thành Hợp đồng các dự án tại Thanh Hóa, Hà Tĩnh vượt sự mong đợi của khách hàng, cuối năm 2013, Công ty đã tập trung toàn bộ nguồn lực với 05 trạm trộn bê tông về thị trường Đà Nẵng và Quảng Nam để cung cấp bê tông cho các dự án lớn như:

Dự án đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, đường cao tốc La Sơn – Túy Loan; Khách sạn Silver Shore, Nhà máy Number One Chu Lai....

6.2 Năng lực sản xuất của Công ty

Trạm bê tông Cẩm Lệ

- Địa chỉ: Phường Hoà Thọ Tây, Q. Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng
- Trạm trộn bê tông: tại Cẩm Lệ có 02 trạm trộn bê tông: 01 trạm trộn có công suất $125\text{m}^3/\text{h}$, model EUROTEC 5MZ4500T; 01 trạm trộn có công suất $60\text{m}^3/\text{h}$, model EUROTEC 3ECO60MBX1500T. Cả hai trạm trộn đều được nhập khẩu từ Singapore, được sản xuất theo công nghệ EUROTEC - ITALY.
- Các thiết bị tại trạm bê tông Cẩm Lệ:
 - + Xe trộn bê tông: 14 chiếc Hyundai
 - + Hệ thống làm lạnh: 01
 - + Xe bơm bê tông: 02 xe bơm cần (01 xe Junjin cần dài 43m và 01 xe Putzmeister cần dài 38m) và 02 máy bơm đùn Putzmeister.
 - + Xe xúc lật: 02 chiếc
 - + Máy phát điện dự phòng: 01 máy



Trạm bê tông Thanh Vinh

- Địa chỉ : Lô C20-C21 CCN Thanh Vinh, Xã Hoà Liên, Huyện Hoà Vang, Tp. Đà Nẵng
- Trạm trộn bê tông: tại Thanh Vinh có 01 trạm trộn bê tông công suất $90\text{m}^3/\text{h}$, được sản xuất theo công nghệ EUROTEC - ITALY.

- Các thiết bị tại trạm bê tông Thanh Vinh:
 - + Xe trộn bê tông: 09 chiếc Hyundai
 - + Hệ thống làm lạnh: 01
 - + Xe bơm bê tông: 01 xe bơm Everdigm cần dài 37m và 01 máy bơm đùn Everdigm.
 - + Xe xúc lật: 01 chiếc
 - + Máy phát điện dự phòng: 01 máy



Trạm bê tông Chu Lai

- Địa chỉ : Khu công nghiệp và hậu cần cảng Tam Hiệp, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam
- Trạm trộn bê tông: tại Chu Lai có 01 trạm trộn bê tông công suất 60m³/h, model HTEN-60-3MS1500 được sản xuất theo công nghệ EUROTREC - ITALY.
- Các thiết bị tại trạm bê tông Chu Lai:
 - + Xe trộn bê tông: 05 chiếc Hyundai và Kamaz
 - + Xe bơm bê tông: 01 xe bơm Everdigm cần dài 36m
 - + Xe xúc lật: 02 chiếc
 - + Máy phát điện dự phòng: 01 máy



Trạm bê tông Phong Thử

- Địa chỉ : Thôn Phong Thử, Xã Điện Thọ, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
- Trạm trộn bê tông: tại Phong Thử có 01 trạm trộn bê tông công suất 90m³/h, model HTEN-90-4MS3000 được sản xuất theo công nghệ EUROTREC - ITALY.
- Các thiết bị tại trạm bê tông Phong Thử:
 - + Xe trộn bê tông: 05 chiếc Hyundai
 - + Xe bơm bê tông: 01 xe bơm Everdigm cần dài 36m
 - + Xe xúc lật: 01 chiếc
 - + Máy phát điện dự phòng: 01 máy



6.2 Các dự án tiêu biểu Công ty đã tham gia cung cấp sản phẩm, dịch vụ**DỰ ÁN: CẦU RỒNG ĐÀ NẴNG****DỰ ÁN: ĐÀ NẴNG PLAZA****DỰ ÁN: NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN NGHI SƠN 1****DỰ ÁN: NHÀ GA SÂN BAY QUỐC TẾ ĐÀ NẴNG**

DỰ ÁN: BLOOMING TOWER DA NANG



DỰ ÁN: CẦU TRẦN THỊ LÝ



DỰ ÁN: TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VDA ĐÀ NẴNG



DỰ ÁN: KHÁCH SẠN SILVER SHORE



DỰ ÁN: TÒA NHÀ AZURA**DỰ ÁN: NHÀ MÁY CAO SU ĐÀ NẴNG****6.3 Sản lượng, doanh thu sản phẩm, dịch vụ qua các năm****❖ Sản phẩm, dịch vụ chính**

Hiện nay, Công ty đang sản xuất và cung ứng bê tông thương phẩm, xây dựng các công trình dân dụng, cầu đường. Bên cạnh đó, Công ty còn cung cấp các loại đá, chất phụ gia dùng trong hoạt động xây dựng, sản xuất bê tông và cung cấp dịch vụ vận chuyển. Qua 04 năm thành lập, Công ty đã đạt được những kết quả khả quan và đáng khích lệ.

Các sản phẩm bê tông thương phẩm của Công ty :

Bê tông bền Sunfat (Bê tông chống xâm thực)

Bê tông cốt sợi (FRC)



Bê tông nhẹ (Bê tông bọt khí)*Bê tông có độ linh động cao**Bê tông cường độ cao (cường độ 50-80MPa)**Bê tông truyền thống thông thường (cường độ 10-50MPa)*

❖ **Doanh thu, lợi nhuận từ Sản phẩm, dịch vụ của Công ty cổ phần Pacific Dingo qua các năm**

Bảng 5. *Cơ cấu doanh thu thuần từng loại sản phẩm và dịch vụ qua các năm*

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Sản phẩm/ dịch vụ	Năm 2013		Năm 2014 (Công ty mẹ)		Quý 1/2015 (Công ty mẹ)	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bê tông thương phẩm	111.343.677	94,11	181.848.462	95,74	41.781.293	73,44
2	Doanh thu bán đá, phụ gia các loại	6.736.786	5,70	7.093.621	3,73	14.605.456	25,68

Stt	Sản phẩm/ dịch vụ	Năm 2013		Năm 2014 (Công ty mẹ)		Quý 1/2015 (Công ty mẹ)	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
3	Doanh thu dịch vụ vận chuyển	228.884	0,19	1.000.897	0,53	501.682	0,88
Tổng cộng		118.309.347	100	189.942.980	100	56.888.431	100

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2014 và BCTC riêng quý 1/2015 của Bê tông Dinco

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Sản phẩm/ dịch vụ	Năm 2013		Năm 2014 (Hợp nhất)		Quý 1/2015 (Hợp nhất)	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bê tông thương phẩm	111.343.677	94,11	183.486.797	96,10	53.490.777	77,76
2	Doanh thu bán đá, phụ gia các loại	6.736.786	5,70	6.415.820	3,36	14.485.392	21,06
3	Doanh thu dịch vụ vận chuyển	228.884	0,19	955.147	0,50	816.095	1,18
4	Doanh thu khác	-	-	73.335	0,04	-	-
Tổng cộng		118.309.347	100	190.931.099	100	68.792.264	100

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014 và BCTC hợp nhất quý 1/2015 của Bê tông Dinco

Hoạt động sản xuất bê tông thương phẩm và bán đá, chất phụ gia là hai hoạt động chính mang lại doanh thu chính cho Công ty trong các năm qua, trong đó doanh thu chủ yếu đến từ các hoạt động của Công ty mẹ, các công ty con đóng góp chưa nhiều do thời điểm hợp nhất từ tháng 12/2014.

Ngay từ khi đầu thành lập Ban lãnh đạo Công ty đã xác định bê tông thương phẩm là sản phẩm chính của Công ty và được Công ty chú trọng đầu tư và phát triển. Chính vì vậy doanh thu từ bê tông thương phẩm năm 2013 chiếm 94,11% doanh thu thuần và năm 2014 là 96,10% doanh thu thuần. Doanh thu từ hoạt động bán đá, chất phụ gia và doanh thu từ hoạt động vận chuyển chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, không đáng kể trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty năm 2013 và 2014.

Doanh thu từ bê tông thương phẩm năm 2014 đạt trên 183 tỷ đồng, tăng 64,79% so với năm 2013, do năm 2014 thị trường bất động sản có những chuyển biến tích cực,

hoạt động xây dựng bắt đầu tăng mạnh. Trong năm 2014, Công ty đã ký kết và thực hiện một số hợp đồng có giá trị lớn như: Hợp đồng cung cấp bê tông thương phẩm cho công trình Angsana Hotel – Laguna Huế với trị giá 30 tỷ; Hợp đồng cung cấp bê tông thương phẩm cho công trình Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn – Thanh Hóa với trị giá 75,57 tỷ; Hợp đồng cung cấp bê tông thương phẩm cho công trình Nhà máy cao su DRC – giai đoạn 2 trị giá 44 tỷ... giúp cho doanh thu từ bê tông thương phẩm của Công ty tăng mạnh so với năm 2013.

Tuy nhiên, ngoài việc chú trọng phát triển sản phẩm chính, bắt đầu từ năm 2015 Công ty cũng tập trung phát triển hoạt động thương mại sản phẩm đá và chất phụ gia. Chính vì vậy doanh thu từ các lĩnh vực này cũng tăng trưởng dần theo thời gian, năm 2013 đạt 6,7 tỷ chiếm 5,70% và năm 2014 đạt 6,4 tỷ chiếm 3,36% doanh thu thuần của Công ty, đặc biệt quý 1 năm 2015 doanh thu từ hoạt động này tăng mạnh đạt gần 14,5 tỷ đồng, chiếm 21,06% doanh thu thuần trong kỳ. Ngoài ra doanh thu từ hoạt động vận chuyển bước đầu mang lại doanh thu cho Công ty và tăng trưởng qua các năm dù chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu của Công ty.

Ba tháng đầu năm 2015, doanh thu thuần của Công ty đạt 68,79 tỷ, trong đó, doanh thu từ bê tông thương phẩm vẫn chiếm tỷ trọng lớn đạt 53,49 tỷ chiếm 77,76%, doanh thu bán đá, phụ gia các loại là 14,48 tỷ chiếm 21,06%, dịch vụ vận chuyển đạt 816 triệu đồng chiếm 1,18% doanh thu thuần trong kỳ. Cơ cấu doanh thu quý 1/2015 đã có sự thay đổi rõ nét khi doanh thu bán đá, phụ gia tăng trưởng mạnh gấp 2,25 lần so với cả năm 2014.

Bảng 6. *Cơ cấu lợi nhuận gộp từng loại sản phẩm và dịch vụ qua các năm*

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013			Năm 2014 (Công ty mẹ)			Quý 1/2015 (Công ty mẹ)		
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	% DTT	Giá trị	Tỷ trọng (%)	% DTT	Giá trị	Tỷ trọng (%)	% DTT
1	LNG từ bê tông thương phẩm	7.853.896	100	6,64	14.813.530	100	7,80	4.499.870	70,75	7,91
2	LNG từ bán đá, phụ gia các loại	-	-	-	-	-	-	1.860.189	29,25	3,27
3	LNG từ dịch vụ vận chuyển	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng cộng	7.853.896	100	6,64	14.813.530	100	7,80	6.360.059	100	11,18

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2014 và BCTC riêng quý 1/2015 của Bê tông Dinco

ĐVT: 1.000 đồng

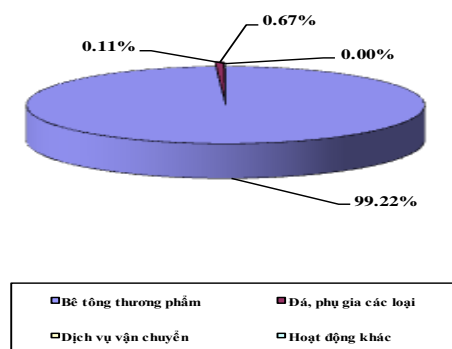
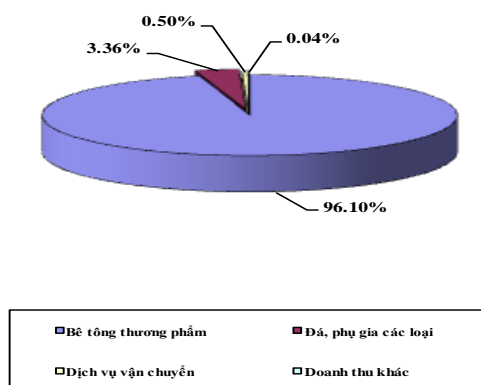
Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013			Năm 2014 (Hợp nhất)			Quý 1/2015 (Hợp nhất)		
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	% DTT	Giá trị	Tỷ trọng (%)	% DTT	Giá trị	Tỷ trọng (%)	% DTT
1	LNG từ bê tông thương phẩm	7.853.896	100	6,64	14.961.404	99,22	7,84	5.727.616	59,73	8,32
2	LNG từ bán đá, phụ gia các loại	-	-	-	100.721	0,67	0,05	3.837.302	40,01	5,58
3	LNG từ dịch vụ vận chuyển	-	-	-	-	-	-	25.255	0,26	0,04
4	LNG từ hoạt động khác	-	-	-	16.982	0,11	0,01	-	-	-
Tổng cộng		7.853.896	100	6,64	15.079.107	100	7,90	9.590.173	100	13,94

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014 và BCTC hợp nhất quý 1/2015 của Bê tông Dinco

Hình 1: Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp năm 2014 (hợp nhất)

Cơ cấu doanh thu thuần năm 2014

Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2014



Tương tự cơ cấu doanh thu, cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty qua các năm đã phản ánh đúng kế hoạch và chiến lược sản xuất kinh doanh của Ban Lãnh đạo. Lợi nhuận gộp chủ yếu từ các hoạt động của Công ty mẹ.

Lợi nhuận gộp năm 2013 là 7,8 tỷ đồng với tỷ suất sinh lợi gộp đạt 6,64% doanh thu thuần, năm 2014 đạt trên 15 tỷ đồng với tỷ suất sinh lợi gộp là 7,9% doanh thu thuần, trong đó lợi nhuận gộp từ sản phẩm bê tông thương phẩm chiếm tỷ trọng chủ yếu,

chiếm 100% cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2013 và 99,22% cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2014.

Lợi nhuận gộp trong 3 tháng đầu năm 2015 đạt 9,59 tỷ đồng với tỷ suất sinh lợi gộp là 13,94% doanh thu thuần, cao hơn so với các năm trước do giá vốn hàng bán trong kỳ đã giảm đáng kể. Cơ cấu lợi nhuận gộp có sự thay đổi rõ nét, lợi nhuận gộp từ bê tông thương phẩm giảm, chỉ còn chiếm 59,73% cơ cấu doanh thu thuần, đạt 5,7 tỷ đồng với tỷ suất lợi nhuận là 7,91% doanh thu thuần; lợi nhuận gộp từ bán đá, phụ gia tăng mạnh, chiếm 40,01% cơ cấu lợi nhuận gộp, đạt 3,8 tỷ đồng với lợi suất sinh lợi gộp là 5,58%.

6.4 Nguyên vật liệu

▪ Nguồn nguyên vật liệu chính

Các nguyên vật liệu, vật tư chính cung cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là cát, đá, xi măng, dầu Diesel và chất phụ gia các loại. Toàn bộ nguyên vật liệu chính của Công ty đều được đặt mua của các nhà cung ứng có uy tín trong nước.

Việc lựa chọn nhà cung ứng là một trong những tiêu chí góp phần tạo nên sự ổn định về chất lượng cho sản phẩm. Phòng Vật tư của Bê tông Dinco có chức năng chọn mua và cung cấp đầy đủ, kịp thời nguyên vật liệu, vật tư phù hợp tiêu chuẩn chất lượng với giá cả hợp lý cho sản xuất.

Bảng 7. Danh sách một số nhà cung cấp vật tư, nguyên vật liệu và dịch vụ chính cho Công ty

Stt	Tên nhà cung cấp	Nguyên vật liệu
1	Công ty hữu hạn Xi măng Luks Việt Nam	Xi măng
2	Công ty TNHH Duy Thịnh	Xi măng
3	Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Trâm Anh Tuấn	Cát, đá
4	Công ty TNHH một thành viên An Trung Phúc	Cát, đá
5	Công ty CP Khoáng sản Sơn Phước	Đá
6	Doanh nghiệp tư nhân SX TM VT Huỳnh Sơn	Cát, đá
7	Công ty Sika hữu hạn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Chất phụ gia
8	Công ty TNHH BASF Việt Nam	Chất phụ gia
9	Công ty CP Xăng dầu Hoà Mỹ	Dầu Diesel
10	Hợp tác xã thương mại Điện Thọ	Dầu Diesel

Nguồn: Bê tông Dinco

▪ Sự ổn định của các nguồn cung cấp vật tư, nguyên vật liệu

Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu đầu vào là rất quan trọng vì nó ảnh hưởng

trực tiếp đến giá thành sản phẩm và gia tăng áp lực giảm doanh thu của Công ty. Nhận thức rõ điều này, Công ty luôn tạo mối quan hệ hợp tác tốt với các nhà cung ứng đặc biệt là thanh toán các khoản công nợ tới hạn. Một trong những điểm thuận lợi nhất của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành đó là việc công ty con của Công ty - Công ty cổ phần Khoáng sản Sơn Phước hiện nay đang vận hành và khai thác 02 mỏ đá xây dựng tại mỏ Hồ Chuồn và mỏ Hồ Khế thuộc xã Hoà Ninh, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng với tổng trữ lượng lên đến 4.016.000m³, công suất khai thác 190.000m³/năm. Chính điều này đã hình thành nên một nguồn cung ứng nguyên vật liệu dồi dào, đáng tin cậy và ổn định cho Công ty.

Các nhà cung cấp nguyên vật liệu chủ yếu cho Công ty thường được Công ty chọn theo tiêu chuẩn có nguồn hàng chất lượng tốt, tính ổn định cao, sẵn sàng đáp ứng khi có nhu cầu đặt hàng và có mức giá cạnh tranh nhất. Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng sản phẩm và tính liên tục trong sản xuất, tránh tình trạng hoạt động sản xuất bị đình trệ tạm thời do thiếu nguyên vật liệu. Công ty đã chủ động ký kết hợp đồng nguyên tắc từng năm, các hợp đồng dài hạn với các nhà cung ứng uy tín để đảm bảo nguồn nguyên vật liệu dự trữ luôn dồi dào, cân đối theo khối lượng công việc trong từng giai đoạn.

Hiện nay, các Trạm bê tông của Công ty đều nằm ở các vị trí thuận lợi, gần các mỏ đá và cát, cự ly vận chuyển ngắn đáp ứng được nguồn cung và có trữ lượng ổn định.

▪ **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận**

Chi phí nguyên vật liệu luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu giá thành sản phẩm do Công ty sản xuất. Chính vì vậy, sự biến động giá nguyên vật liệu tất yếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong ngắn hạn, do giá bán sản phẩm không thể thay đổi đồng thời theo biến động của giá nguyên vật liệu. Về lâu dài, giá bán sẽ được điều chỉnh phù hợp với thực tế gia tăng giá cả của các loại nguyên vật liệu.

Để giảm thiểu sự ảnh hưởng của biến động giá nguyên vật liệu đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn chủ động trong việc nghiên cứu về tình hình thị trường, lên kế hoạch mua và dự trữ nguồn nguyên vật liệu trong những thời điểm thuận lợi để đảm bảo sự liên tục của hoạt động sản xuất kinh doanh và mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận.

6.5 Chi phí sản xuất

Bảng 8. *Cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty*

ĐVT: 1.000 đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2013		Năm 2014 (Công ty mẹ)		Quý 1/2015 (Công ty mẹ)	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Giá vốn hàng bán	110.455.451	93,36	175.129.450	92,20	50.528.373	88,82
Chi phí tài chính	2.967.066	2,51	1.600.070	0,84	385.411	0,68
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
Chi phí QLDN	4.713.167	3,98	5.358.464	2,82	1.544.229	2,71
Tổng cộng	118.135.684	99,85	182.087.984	95,86	52.458.013	92,21

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2014 và BCTC riêng quý 1/2015 của Bê tông Dinco**ĐVT: 1.000 đồng*

Yếu tố chi phí	Năm 2013		Năm 2014 (Hợp nhất)		Quý 1/2015 (Hợp nhất)	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Giá vốn hàng bán	110.455.451	93,36	175.851.992	92,10	59.202.091	86,06
Chi phí tài chính	2.967.066	2,51	1.612.205	0,84	425.105	0,62
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-
Chi phí QLDN	4.713.167	3,98	5.432.079	2,85	2.264.917	3,29
Tổng cộng	118.135.684	99,85	182.896.276	95,79	61.892.113	89,97

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014 và BCTC hợp nhất quý 1/2015 của Bê tông Dinco

Trong cơ cấu chi phí của Công ty, chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng chủ yếu, chiếm 93,36% doanh thu thuần trong năm 2013 và 92,10% doanh thu thuần năm 2014, trong đó phần lớn là chi phí nguyên vật liệu. Tuy nhiên, quý 1/2015, tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần đã giảm đáng kể, chiếm 86,06% doanh thu thuần trong kỳ.

Chi phí tài chính giảm dần qua các năm nhờ dòng tiền của Công ty ngày càng cải thiện tốt hơn, đồng thời do lãi suất ngân hàng đã giảm đáng kể và đi vào ổn định nhờ sự phục hồi của nền kinh tế. Chi phí quản lý doanh nghiệp có xu hướng tăng nhưng tỷ trọng giảm dần qua các năm, chiếm tỷ trọng từ 2,85%-3,98% doanh thu thuần.

Công ty không phát sinh chi phí bán hàng do Giá thành sản phẩm bê tông được xác định từ khi sản xuất đến khi cung cấp tại công trường nên không phát sinh chi phí trong khâu bán hàng mà tất cả chi phí được tính vào giá vốn.

Từ năm 2014, chi phí của Công ty tuy có tăng, tuy nhiên, tỷ trọng so với doanh thu thuần lại có xu hướng giảm. Điều này chứng tỏ Công ty đã từng bước tiết giảm được chi

phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

6.6 Trình độ công nghệ

Bê tông Dinco được sản xuất tự động trên dây chuyền được lắp đặt đồng bộ hiện đại cùng với đội ngũ quản lý, kỹ sư lành nghề đầy sáng tạo. Bê tông Dinco đã cho ra những sản phẩm chất lượng hoàn hảo đáp ứng được yêu cầu của các chủ đầu tư trong và ngoài nước vốn nổi tiếng khó tính nhất.

Hiện tại, Công ty có 05 dây chuyền sản xuất bê tông hiện đại, vận hành theo công nghệ sản xuất của hãng EUROTEC được nhập khẩu từ Italia.

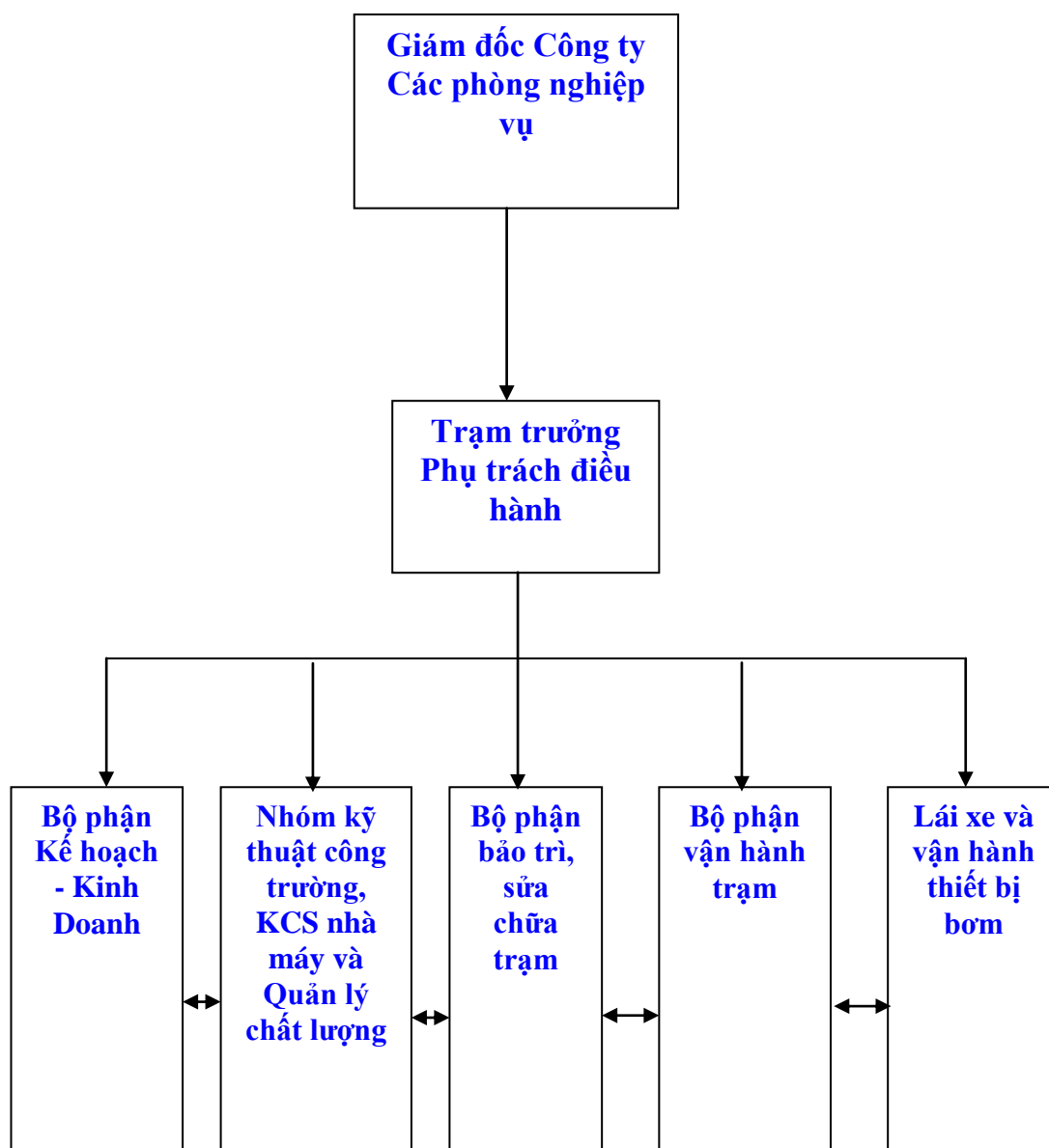
Cùng với 05 trạm trộn bê tông có công suất từ 60 đến 125m³/h, Công ty có:

- 28 xe trộn hiệu Hyundai 7m³ mua mới 100% được nhập khẩu từ Hàn Quốc; 04 xe trộn hiệu Kamaz và 01 xe trộn hiệu CamC.
- 03 máy bơm ngang, trong đó có 02 máy hiệu Putzmeister – Đức và 01 máy Everdigm – Hàn Quốc. Máy bơm ngang có độ vươn cao đến 140 mét, bơm xa đến 700 mét.
- 05 xe bơm cần có độ dài từ 36 đến 42m, được nhập khẩu từ các hãng Putzmeister - Đức; Everdigm - Hàn Quốc; Junjin - Hàn Quốc.
- Cùng rất nhiều trang thiết bị khác phục vụ cho sản xuất như: 02 hệ thống làm lạnh nước để sản xuất bê tông nhiệt độ thấp dùng cho những công trình đồ khối lượng lớn, 06 xe xúc lật, 04 máy phát điện dự phòng, ...

Công ty có 01 phòng thí nghiệm với đầy đủ những thiết bị hiện đại nhất trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm và nghiên cứu những sản phẩm mới đạt yêu cầu của khách hàng. Thiết bị thí nghiệm kiểm soát chất lượng của công ty được nhập khẩu 100% từ hãng ELE của Vương Quốc Anh như : Máy nén kiểm tra cường độ bê tông, Bàn giã sàng tiêu chuẩn, Máy lắc rây và bộ sàng tiêu chuẩn, ...

Về lĩnh vực sản xuất đá: Với 01 dây chuyền sản xuất đá được nhập khẩu từ Hàn Quốc, công suất 250 tấn/h, cùng 04 xe tải ben hiệu Dongfeng L375, tải trọng 9,9 tấn và 01 xe xúc lật, 02 máy đào phục vụ hoạt động khai thác và cung cấp đá cho các công trình.

Sơ đồ 3: Quy trình sản xuất

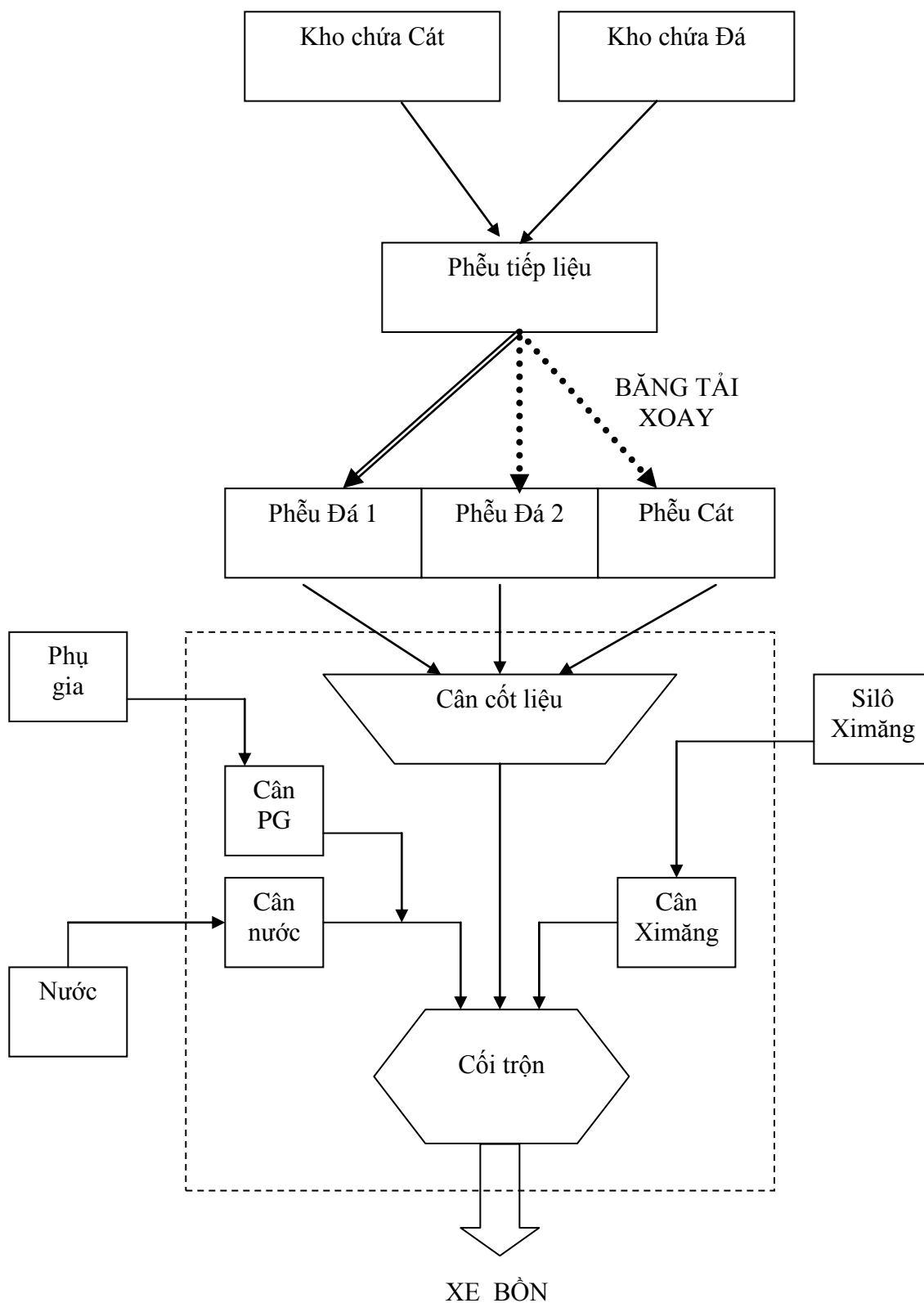


Ghi chú:

→ : Quan hệ chỉ đạo

↔ : Quan hệ hỗ trợ

Sơ đồ 4: Lưu đồ sản xuất



Ghi chú: Khu vực nằm trong đường bao (- - -) được điều khiển tự động hoàn toàn bằng thiết bị và phần mềm của hãng EUROTEC - Italia.



Trạm bê tông CN Eurotec-Italy: 05 trạm



Xe trộn bê tông: 33 xe



Xe bơm bê tông cần dài: 05 chiếc



Xe xúc lật: 06 chiếc

6.7 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Sản phẩm mới là giải pháp hàng đầu mang lại lợi ích tiềm năng rất lớn cho Công ty. Ý thức được điều này Công ty đã thành lập bộ phận chuyên nghiên cứu, tìm hiểu và phát triển sản phẩm mới để nắm bắt nhu cầu thị trường và định hướng sản phẩm.

Ngoài những sản phẩm chủ lực của Công ty đang thực hiện, hiện Công ty đang nghiên cứu và tư vấn cho khách hàng đưa vào sử dụng loại bê tông sau:

BÊ TÔNG CÓ ĐỘ LINH ĐỘNG CAO (độ chảy xòe côn : 500-700mm, cường độ: 35-50Mpa)

Đặc tính: Đây là loại bê tông đặc biệt với khả năng tự điền đầy cấu kiện, với độ linh động lớn mà không bị tách nước hay phân tầng cốt liệu.

Thành phần vật liệu: Sử dụng xi măng portland hỗn hợp PCB40, Cát vàng có Mn: 2.3 – 3.0, Đá dăm Dmax loại: 16mm, 10mm, Bột đá, Nước sạch dùng cho sinh hoạt và phụ gia siêu dẻo cao cấp chuyên dùng cho bê tông tự lèn.

Tiêu chuẩn kỹ thuật: Sản phẩm được thiết kế và sản xuất đáp ứng theo TCVN, ASTM và BS hiện hành.

Lợi ích sử dụng:

- Bê tông sử dụng trong các cấu kiện có mật độ cốt thép dày, kiến trúc uốn lượn phức tạp hay những hạng mục thi công có không gian hạn chế khả năng đầm và hoàn thiện.
- Kiểm soát khống chế nhiệt độ bê tông cũng như thành phần cấp phối tối ưu giúp khách hàng tiết kiệm được chi phí và giảm được rủi ro co ngót trong quá trình đóng rắn.
- Giảm số lượng nhân công thi công.
- Giảm 40% công đầm nén.
- Hoàn thiện bề mặt dễ dàng.
- Đáp ứng tốt khi thi công những cấu kiện có mật độ thép lớn.
- Công tác bơm bê tông dễ dàng và rút ngắn thời gian thi công.
- Tốc độ phát triển cường độ nhanh sau 3 hoặc 7 ngày giúp đẩy nhanh tiến độ công trình.

6.8 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn **ISO 9001:2008** do ISC tổ chức đánh giá và cấp chứng nhận. Cải tiến liên tục và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình là cốt lõi của hệ thống quản lý, giúp mang lại hiệu quả hoạt động cao cho Công ty và giúp giảm thiểu các chi phí phát sinh không hiệu quả, gây lãng phí nguồn lực trong

quá trình hoạt động.



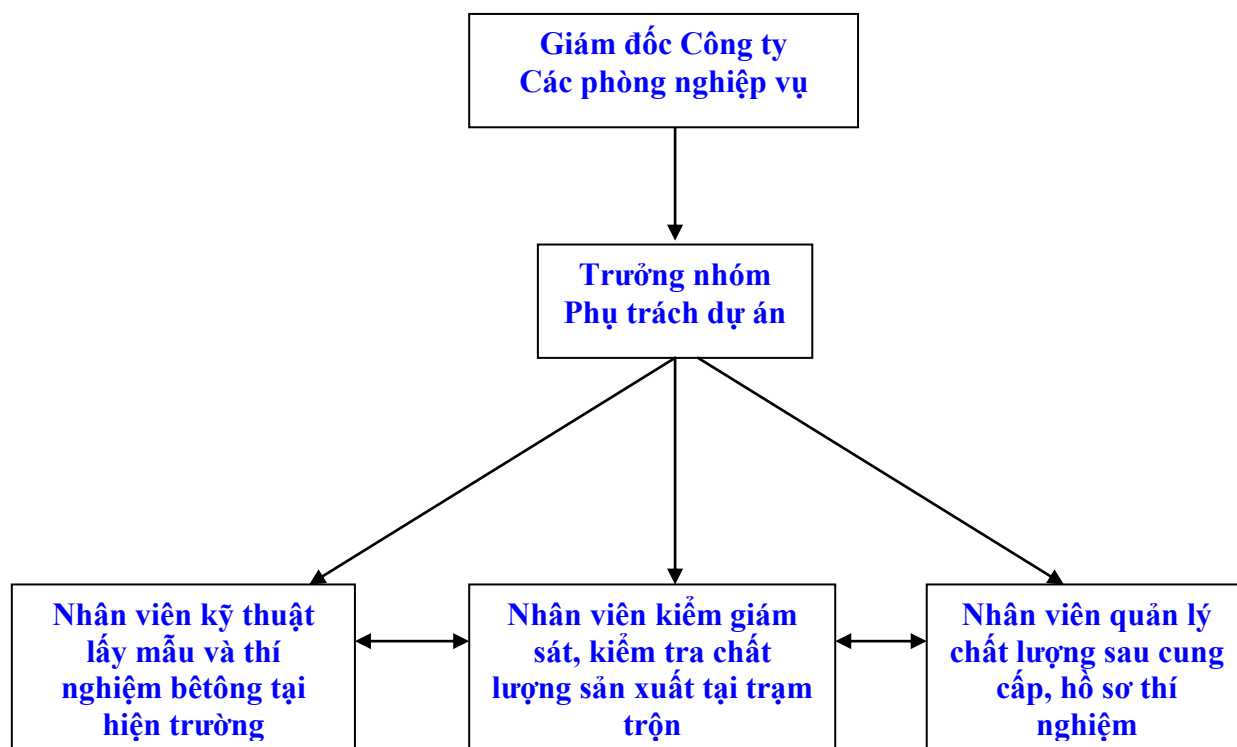
Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm

Công ty có 01 phòng thí nghiệm với đầy đủ những thiết bị hiện đại nhất trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm và nghiên cứu những sản phẩm mới đạt yêu cầu của khách hàng. Thiết bị thí nghiệm kiểm soát chất lượng của công ty được nhập khẩu 100% từ hãng ELE của Vương Quốc Anh như : Máy nén kiểm tra cường độ bê tông, Bàn giăng tiêu chuẩn, Máy lắc rây và bộ sàng tiêu chuẩn, ...

Thiết bị thí nghiệm kiểm soát chất lượng



Sơ đồ 5: Quy trình đảm bảo chất lượng



6.9 Hoạt động marketing

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động Marketing đối với sự phát triển và lớn mạnh của Công ty, Ban lãnh đạo luôn chú trọng việc nghiên cứu và tìm hiểu thị trường để quảng bá cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Vai trò Marketing và phát triển thương hiệu hiện tại được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kinh doanh và được sự chỉ đạo trực tiếp từ Ban lãnh đạo. Bộ phận này chịu trách nhiệm nắm bắt các thông tin về sản phẩm cũng như phản ánh của khách hàng về sản phẩm để từ đó kịp thời đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, đồng thời giải quyết nhanh chóng những vướng mắc, khiếu nại cũng như hỗ trợ về mọi mặt để có thể tạo cho khách hàng sự tin tưởng tuyệt đối khi sử dụng sản phẩm của Công ty.

Do đặc tính của sản phẩm nên cách thức phân phối chủ yếu của Công ty là phân phối trực tiếp đến các công trình. Vì vậy, hoạt động tiếp thị phần lớn được thực hiện thông qua các phương thức như:

- Đội ngũ Marketing đi đến từng dự án, các đơn vị tư vấn thiết kế, tiếp cận những công trình đang chuẩn bị xây dựng để giới thiệu sản phẩm bê tông tươi, tư vấn cho khách hàng sử dụng sản phẩm phù hợp với tính chất từng công trình.
- Tham gia Hiệp hội xây dựng nhà thầu miền Trung. Thông qua Hiệp hội, gặp gỡ các nhà thầu xây dựng để giới thiệu sản phẩm bê tông Dinco.
- Giới thiệu về năng lực thiết bị, kinh nghiệm sản xuất kinh doanh, những công

trình đã thực hiện và giới thiệu sản phẩm trên website công ty, gửi thông tin công ty đến các Sở, ban, ngành, báo giá sản phẩm.

- Xây dựng các chương trình quảng cáo thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, tham gia Hội chợ Vietbuild,

6.10 Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo:

BÊTÔNG DINCO

Logo này được sử dụng làm biểu tượng cho tất cả các sản phẩm, dịch vụ của Công ty và đang trong quá trình đăng ký quyền sở hữu nhãn hiệu.

6.11 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết của Công ty

Stt	Tên đối tác	Số hợp đồng	Thời điểm ký kết HĐ	Thời hạn thực hiện HĐ	Tên công trình/Sản phẩm	Giá trị (Nghìn đồng)
I. Các hợp đồng đã thực hiện						
1	Công ty GS Engineering Construction Corp	114/HĐKT-2010	03/08/2010	T8/2010 – T12/2012	Cung cấp bê tông thương phẩm công trình Angsana Hotel – Laguna Huế	30.000.000
2	Công ty thi công cơ giới 1	144/HĐKT-2010	20/10/2010	T10/2010 – T8/2012	Cung cấp bê tông thương phẩm công trình Cầu Trần Thị Lý – Đà Nẵng	27.750.000
3	Công ty CP Dinco	375 - 2010/HĐKT	02/11/2010	T10/2010 – T12/2013	Cung cấp bê tông công trình Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn – Thanh Hóa	75.570.000
4	Công ty thi công cơ giới 1	479/HĐ-BT/2010	01/12/2010	T12/2010 – T10/2012	Cung cấp bê tông thương phẩm công trình Cầu Rồng Đà Nẵng	21.140.000
5	Xí nghiệp cầu 17 – Cienco 1	093/HĐ-BT/2011	09/03/2011	T3/2011 – T7/2013	Cung cấp bê tông thương phẩm công trình Cầu Rồng Đà Nẵng	23.000.000
6	Công ty CP xây dựng và kinh doanh địa ốc Hòa Bình	129/HĐKT - 2012	12/09/2012	T8/2012 – T11/2013	Cung ứng bê tông thương phẩm công trình Khu ký túc xá nhân viên KLMN – Formosa	20.460.000

Stt	Tên đối tác	Số hợp đồng	Thời điểm ký kết HĐ	Thời hạn thực hiện HĐ	Tên công trình/Sản phẩm	Giá trị (Nghìn đồng)
					Hà Tĩnh	
7	Công ty CP Dinco	196 - 2012/HĐKT	01/11/2012	T11/2012 – T12/2014	Cung cấp bê tông thương phẩm công trình Nhà máy cao su DRC – giai đoạn 2	44.000.000
Tổng cộng:						241.920.000
II. Các hợp đồng đang thực hiện						
1	Công ty TNHH Sichuan Huashi (Việt Nam)	SNHXYN00 4/HĐ-BT/2013	31/10/2013	T12/2013 – T06/2016	Cung ứng bê tông thương phẩm công trình Khách sạn Silver Shore giai đoạn 2	29.865.000
2	Xí nghiệp thi công cầu 6 – Tổng Cty XDCTGT 6	316 - 2014/HĐNT	06/03/2014	T3/2014 - T12/2016	Cung cấp bê tông thương phẩm Gói thầu số 3B đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi	37.000.000
3	Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Trung Chính	319 - 2014/HĐKT	12/03/2014	T3/2014 - T01/2017	Cung cấp bê tông thương phẩm Gói thầu số 3B đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi	28.000.000
4	Công ty CP xây dựng và kinh doanh địa ốc Hòa Bình	24 - 2014/HĐ.HB C	02/04/2014	T4/2014 – T12/2016	Cung cấp bê tông thương phẩm công trình Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng- Đà Nẵng	20.000.000
5	Công ty TNHH MTV xây dựng 470	372/2014-HĐKT	27/06/2014	T6/2014- T12/2016	Cung cấp bê tông thương phẩm Gói thầu số 2 đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi	16.850.000
6	Công ty CP Cầu 7 Thăng Long	399- 2014/HĐKT	25/08/2014	T8/2014- T12/2017	Cung cấp bê tông thương phẩm Gói thầu số 4 đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi	10.000.000
7	Công ty TNHH Number One Chu Lai	01/PACIFIC DINCO- NO1CL/PD/1 50914	15/09/2014	T9/2014 – T9/2015	Nhà máy Number One	44.400.000
8	Công ty CP Hoàng An	50/2014-HĐKT	16/09/2014	T9/2014- T12/2017	Cung cấp bê tông thương phẩm Gói thầu số 4 đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi	6.000.000
9	Xí nghiệp xây dựng cầu đường 1 – Cienco 8	433 - 2014/HĐKT	20/10/2014	T10/2014 - T12/2017	Cung cấp bê tông thương phẩm gói thầu XL 7 – dự án đường Hồ	30.000.000

Stt	Tên đối tác	Số hợp đồng	Thời điểm ký kết HĐ	Thời hạn thực hiện HĐ	Tên công trình/Sản phẩm	Giá trị (Nghìn đồng)
					Chí Minh, đoạn La Sơn – Túy Loan	
10	Xí nghiệp thi công cơ giới 630 – Tổng Cty XDCTGT 6	465 - 2014/HĐKT	20/12/2014	T12/2014 - T12/2016	Cung cấp bê tông thương phẩm Gói thầu số 5 đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi	10.000.000
11	Xí Nghiệp Xây Dựng Cầu Đường 2	06- 2015/HĐKT	19/01/2015	T1/2015 – T01/2017	Cung cấp bê tông thương phẩm đường cao tốc La Sơn - Túy Loan	2.000.000
12	Xí nghiệp cầu 18 - CIENCO 1 chi nhánh Tổng Công ty Xây Dựng Công trình Giao Thông 1 - Công ty Cổ Phần	12- 2015/HĐKT	10/03/2015	T3/2015- T3/2017	Cung cấp bê tông thương phẩm Gói thầu số 1 đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	5.000.000
13	Công ty CP cầu 7 Thăng Long	18- 2015/HĐKT	14/03/2015	T3/2015 – T12/2015	Cầu Kỳ Lam - gói thầu số 3A đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	3.000.000
14	Công ty Cơ Khí và Xây Dựng POSCO E&C Việt Nam	2015-S-H- 0115	20/03/2015	T3/2015 – T12/2015	Cung cấp bê tông thương phẩm Dự án True friend tower Danang	12.500.00
15	Xí Nghiệp thi công cầu 6 - Tổng Công ty Xây Dựng Công trình giao thông 6 - Công ty Cổ Phần	25- 2015/HĐKT	24/03/2015	T3/2015- T3/2017	Gói thầu số 5 dự án đường cao tốc Bắc Nam đoạn Đà Nẵng - Quảng Ngãi tại huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam	2.000.000
16	Tổng công ty XD công trình giao thông 8 (CIENCO 8)	11/2015/ HĐKT	26/03/2015	T3/2015- T3/2017	Dự án đường Hồ Chí Minh, đoạn La Sơn – Túy Loan	20.000.000
17	Chi nhánh tổng công ty XD số 1 (CC1- TNHH MTV tại miền Trung)	32/2015/ HĐKT	18/03/2015	T3/2015- T3/2017	Dự án đường Hồ Chí Minh, đoạn La Sơn – Túy Loan	15.000.000
Tổng cộng						291.615.000

Nguồn: Bê tông Dinco

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2013 – 2014 và Quý 1 năm 2015****Bảng 10.** *Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ**ĐVT: Đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng/giảm	Quý 1/2015
1	Tổng giá trị tài sản	98.600.323.065	129.877.826.271	31,72%	138.724.914.150
2	Vốn chủ sở hữu	54.785.999.264	86.287.272.828	57,50%	90.103.682.320
3	Doanh thu thuần	118.309.346.567	189.942.980.186	60,55%	56.888.431.628
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	210.033.648	8.043.864.142	3.729%	4.846.261.944
5	Lợi nhuận khác	90.318.243	(239.969.545)	-	(22.926.324)
6	Lợi nhuận trước thuế	300.351.891	7.803.894.597	2.498%	4.823.335.620
7	Lợi nhuận sau thuế	174.709.193	6.044.673.564	3.360%	3.816.409.492
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	81,88%	-	-
9	Tỷ lệ LNST trên Vốn CSH	0,32%	8,57%	-	-

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2014 và BCTC riêng quý 1/2015 của Bê tông Dinco***Bảng 11.** *Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty**ĐVT: Đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng/giảm	Quý 1/2015
1	Tổng giá trị tài sản	98.600.323.065	143.451.788.269	45,49%	152.881.013.150
2	Vốn chủ sở hữu	54.785.999.264	88.336.457.943	61,24%	97.081.094.435
3	Doanh thu thuần	118.309.346.567	190.931.099.009	61,38%	68.792.264.460
4	Lợi nhuận từ hoạt	210.033.648	8.224.613.925	3.815%	6.956.021.734

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng/giảm	Quý 1/2015
động kinh doanh					
5	Lợi nhuận khác	90.318.243	1.651.164.036	1.728%	(29.389.326)
6	Lợi nhuận trước thuế	300.351.891	9.875.777.961	3.188%	6.926.632.408
7	Lợi nhuận sau thuế	174.709.193	8.112.191.321	4.543%	5.592.080.931
8	LNST của cổ đông thiểu số	-	18.332.642	-	256.697.398
9	LNST của cổ đông Công ty mẹ	-	8.093.858.679	-	5.335.383.533
10	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	61,01%	-	-
11	Tỷ lệ LNST trên Vốn CSH	0,32%	11,31%	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014 và BCTC hợp nhất quý 1/2015 của Bê tông Dincó

Năm 2014, tổng giá trị tài sản tăng 45,49%, vốn chủ sở hữu tăng 61,24% so với năm 2013 là do Công ty trong năm thực hiện phát hành cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu và Nhà đầu tư chiến lược để tăng vốn điều lệ từ 36,662 tỷ đồng lên 81 tỷ đồng.

Bước sang năm 2014, thị trường bất động sản có nhiều khởi sắc, Công ty đã ký kết và thực hiện được nhiều hợp đồng có giá trị lớn, do đó doanh thu thuần năm 2014 đạt 190,93 tỷ đồng, tăng 61,38% so với mức 118,3 tỷ đồng của năm 2013.

Bên cạnh đó, giá vốn hàng bán giảm, đặc biệt là chi phí tài chính giảm mạnh đã dẫn tới tỷ trọng chi phí sản xuất trên doanh thu thuần năm 2014 giảm so với năm 2013. Như vậy, với việc tăng trưởng mạnh về mặt doanh thu, sự quản lý chặt chẽ giá vốn và các chi phí hoạt động phát sinh đã giúp Công ty có một kết quả kinh doanh lợi nhuận sau thuế năm 2014 tăng mạnh, đạt gần 8,1 tỷ đồng.

Lợi nhuận khác trong năm 2014 là khoản bất lợi thương mại khi Công ty thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính với hai công ty con và khoản thu nhập từ bán thanh lý tài sản trong năm.

Bước sang năm 2015, hoạt động sản xuất của Công ty tiếp tục phát triển, ngoài việc duy trì phát triển hoạt động sản xuất bê tông thương phẩm, Công ty đã đẩy mạnh hoạt động thương mại bán đá, phụ gia và các sản phẩm có liên quan được sản xuất từ

con. Ba tháng đầu năm 2015, doanh thu thuần đạt gần 68,8 tỷ và lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ là 5,33 tỷ, tương ứng đạt 24,94% và 32,93% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi

- **Thương hiệu lâu năm và uy tín:** Sản phẩm của Công ty đã tạo lập được vị thế đối với nhiều nhà thầu, chủ đầu tư về sự ổn định ở mức cao của chất lượng sản phẩm nên cũng đã góp phần vào việc thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Công ty có nhiều kinh nghiệm trong việc lắp dựng trạm trộn mới tại các dự án có khối lượng bê tông lớn.
- **Cơ sở sản xuất đồng bộ - hiện đại:** Công ty sử dụng những dây chuyền máy móc thiết bị, công nghệ sản xuất bê tông và vận chuyển bê tông hiện đại, công suất lớn được nhập khẩu từ Đức, Hàn Quốc giúp tiết kiệm sự tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất tạo ra những sản phẩm với giá thành thấp so với những máy móc công nghệ cũ kỹ tiêu tốn nhiều nguyên vật liệu. Ngoài ra, Công ty còn có dây chuyền sản xuất đá nên chủ động nguồn nguyên vật liệu đầu vào với giá cả cạnh tranh.
- **Sự tín nhiệm của tổ chức tín dụng :** Bê tông Dinco luôn nhận được sự hỗ trợ từ các tổ chức tín dụng, các khoản vay tín dụng luôn được giải ngân đúng, đủ và kịp thời với chi phí vốn hợp lý giúp Công ty luôn đảm bảo kế hoạch sản xuất đề ra cho từng thời điểm.
- **Nguồn lực con người:** Đội ngũ CBCNV Công ty trẻ, ngày một trưởng thành trong công tác quản lý và chuyên môn nghiệp vụ, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp làm tiền đề vững chắc cho sự phát triển bền vững của Công ty.
- **Thị trường tiêu thụ sản phẩm:** Bê tông Dinco có thị trường tiêu thụ sản phẩm trải rộng ở hầu hết khắp các tỉnh, thành ở khu vực Miền Trung, luôn ổn định và tăng trưởng đều qua các năm. Ngoài ra, Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi và Dự án đường cao tốc La Sơn - Túy Loan qua 2 tỉnh Thừa Thiên Huế - Đà Nẵng đều nằm trong khu vực cung cấp của các trạm Bê tông Dinco.
- **Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến:** Sau nhiều năm tổ chức sản xuất – kinh doanh Công ty đã xây dựng được hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn **ISO 9001 : 2008**.

Khó khăn

- **Tình hình khó khăn của ngành bất động sản** trong những năm qua tuy đã có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn còn có những ảnh hưởng rất lớn đến việc đầu tư xây dựng.
- **Giá nguyên vật liệu đầu vào:** Giá nguyên vật liệu, nhiên liệu sản xuất chính có xu hướng tăng cao, ảnh hưởng đến giá thành và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- **Đặc thù của sản phẩm:** Tính chất sản xuất mùa vụ là một yếu tố gây khó khăn rất lớn cho việc hoạch định, duy trì hoạt động của toàn hệ thống trong Công ty.
- **Cạnh tranh:** Sự cạnh tranh gay gắt từ phía các công ty sản xuất và kinh doanh trong cùng ngành nghề, đặc biệt là các đơn vị trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các vùng phụ cận.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**8.1 Vị thế của Công ty trong ngành**

Là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp bê tông tươi và cung cấp đá xây dựng trên thị trường Đà Nẵng, Quảng Nam, Công ty cổ phần Pacific Dinco đang có những lợi thế đáng kể so với những Doanh nghiệp cùng ngành nghề trên địa bàn các tỉnh Miền Trung cũng như trên cả nước, cụ thể:

- **Về văn hóa Công ty:** Công ty chúng tôi thấu hiểu rằng mối quan tâm lớn nhất của khách hàng là hành vi liên quan đến hành động cắt xén khối lượng, chất lượng bê tông. Vì thế, Bê tông Dinco đã thiết lập các tiêu chuẩn đạo đức nghiêm ngặt để cán bộ công nhân viên tuyệt đối tuân thủ. Mọi cán bộ công nhân viên muốn làm việc tại Bê tông Dinco đều phải tuân theo chuẩn mực, nguyên tắc đạo đức trên. Chính sách đạo đức chính là nền tảng cho sự phát triển của Công ty, là chất keo gắn kết Bê tông Dinco với Khách hàng. Chính sách này được giải thích cụ thể trong từng hợp đồng với khách hàng: “*Nhân viên bê tông Dinco có trách nhiệm thực hiện công việc một cách trung thực và chân thành, chỉ sử dụng tài sản của Công ty để thúc đẩy công việc của Công ty và không lợi dụng vị trí của mình trong Công ty để kiếm lợi cho cá nhân. Điều này bao gồm cả việc không được nhận hối lộ, đút lót hoặc tiền hoa hồng liên quan đến hợp đồng*”.
- **Về nhân lực:** Công ty cổ phần Pacific Dinco có đội ngũ lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược, đoàn kết, năng động, tích cực đổi mới, nhạy bén trong việc nhận định tình hình và có tinh thần dám nghĩ, dám làm và mạnh dạn quyết định

những bước đi có tính chất đột phá nhằm đạt mục tiêu chiến lược của Công ty. Hơn nữa, lãnh đạo Công ty là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực xây dựng. Bên cạnh đó, Công ty còn có đội ngũ nhân sự trẻ, nhiệt tình, có ý thức trách nhiệm cao với công việc; luôn học hỏi cái mới, nâng cao trình độ chuyên môn để tự hoàn thiện mình và hoàn thành nhiệm vụ với hiệu quả cao nhất.

- **Về uy tín và kinh nghiệm:** Là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp bê tông tươi cho thị trường Miền Trung. Các sản phẩm của Công ty đã có mặt tại nhiều dự án lớn, trọng điểm và được khách hàng tin cậy. Ngoài ra, Công ty có nhiều kinh nghiệm trong việc lắp đặt các trạm trộn bê tông tại các Công trình đòi hỏi trình độ kỹ thuật và chất lượng cao. Đây là một thế mạnh và sự khác biệt của Công ty với các doanh nghiệp khác cùng ngành. Việc lắp đặt trạm trộn tại công trình giúp cho khách hàng tiết kiệm được thời gian, chi phí, nhân lực. Các dự án tiêu biểu mà Công ty lắp đặt trạm trộn tại Công trình như: dự án nhiệt điện Nông Sơn – Quảng Nam, dự án nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1 – Thanh Hóa, dự án nhà máy Formosa – Khu kinh tế Vũng Áng - Hà Tĩnh, nhà máy Number One – Chu Lai, dự án Laguna – Huế. Ngoài ra Các công trình tiêu biểu khác mà Công ty cung cấp bê tông như Dự án Đà Nẵng Plaza, dự án Blooming Tower, dự án khách sạn Đảo Xanh, dự án nhà ga sân bay quốc tế Đà Nẵng, Trung tâm thương mại – Dịch vụ VDA Đà Nẵng, Dự án Cầu Trần Thị Lý, Dự án cầu Rồng – Đà Nẵng, Nguyễn Văn Trỗi, nhà máy sữa Vinamilk...
- **Về công nghệ:** Công ty được đầu tư dây chuyền, máy móc thiết bị hiện đại và công suất lớn nên các sản phẩm của Công ty luôn có chất lượng hoàn hảo đáp ứng được yêu cầu chất lượng của các nhà đầu tư trong nước và cả những nhà đầu tư nước ngoài khó tính. Đồng thời để chất lượng sản phẩm luôn đảm bảo và đáp ứng được yêu cầu của khách hàng, Công ty đã đầu tư một phòng thí nghiệm với những trang thiết bị hiện đại nhất được nhập khẩu từ Vương quốc Anh để kiểm soát chất lượng sản phẩm và nghiên cứu sản phẩm mới.
- **Về nguyên liệu đầu vào:** Nguyên vật liệu phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được cung cấp bởi những nhà cung cấp lớn có nhiều uy tín trên thị trường, chất lượng luôn được đảm bảo. Đồng thời với đó, Công ty con của Công ty là Công ty cổ phần Khoáng sản Sơn Phước đang tiến hành khai thác mỏ đá Hồ Chuồn, xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Việc khai thác mỏ đá giúp cho công ty có nguồn nguyên vật liệu đầu

vào ổn định và chất lượng cho việc sản xuất bê tông đồng thời việc cung cấp đá xây dựng cho các công trình cũng mang lại doanh thu cho Công ty.

8.2 Đối thủ cạnh tranh

Hiện nay trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các vùng phụ cận có các đơn vị cạnh tranh trực tiếp với Công ty như:

- Công ty Cổ phần bê tông Đăng Hải;
- Công ty Cổ phần bê tông Hòa Cầm - Intimex;
- Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Phước Yên.

8.3 Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam đang trong quá trình hội nhập và phát triển do đó lĩnh vực xây dựng là một trong những ngành có tiềm năng phát triển lớn, thể hiện qua sự phát triển của cơ sở hạ tầng, các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp. Mặt khác, hiện nay nhiều dự án đang được chú trọng đầu tư như dự án khu đô thị, resort cao cấp, khu biệt thự, khu công nghiệp..... Từ đó nhu cầu đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi sẽ phát triển. Qua đó, cho thấy triển vọng phát triển lĩnh vực cung cấp bê tông thương phẩm và đá xây dựng trong thời gian tới là khả quan và có hướng phát triển mạnh mẽ.

Năm 2015 dự kiến là năm phát triển mạnh mẽ của ngành xây dựng khi nhiều chính sách mới của nhà nước về bất động sản có hiệu lực như chính sách cho người nước ngoài được mua nhà và sở hữu nhà tại Việt Nam, mở rộng các đối tượng được vay gói 30 nghìn tỉ trong khi lãi suất cho vay thấp, điều này sẽ kích thích ngành bất động sản phát triển theo đó ngành xây dựng cũng phát triển mạnh mẽ. Cùng với đó Hiệp định thương mại xuyên Thái Bình Dương được kỳ vọng ký kết trong năm 2015 và năm 2015 khi cộng đồng kinh tế khu vực ASEAN được thành lập thì nước ta có nhiều triển vọng thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư trực tiếp vào Việt Nam trong các lĩnh vực như dệt may, hóa dầu, linh kiện điện tử..... Những nguồn vốn này được đầu tư sẽ tăng nhu cầu thi công cơ sở hạ tầng, sử dụng vật liệu xây dựng trong nước. Như vậy khi nhu cầu xây dựng tăng cao thì nhu cầu sử dụng bê tông cũng sẽ tăng cao.

8.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Căn cứ vào tình hình phát triển chung của ngành xây dựng và nguồn vốn đầu tư phục vụ cho quá trình phát triển cơ sở hạ tầng của đất nước; Bê tông Dinco định hướng tập trung cung ứng sản phẩm bê tông tươi vào các khu vực như: kinh tế dịch vụ, công nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển hệ thống đô thị và các khu dân cư nông thôn

... nhằm chiếm được thị phần cung ứng sản phẩm bê tông tươi không chỉ ở địa bàn thành phố Đà Nẵng mà còn ở các tỉnh lân cận khác. Với những nỗ lực và định hướng rõ ràng đó cho thấy, chiến lược và định hướng phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với triển vọng ngành cũng như phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Thực trạng lao động

Tại thời điểm 31/03/2015, tổng số lao động của Công ty cổ phần Pacific Dinco là 129 người với cơ cấu cụ thể như sau:

Bảng 12. *Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/03/2015*

Phân loại Lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
▪ Phân theo trình độ chuyên môn	: 129	100
- Đại học, trên đại học	: 27	20,93
- Cao đẳng, Trung cấp	: 29	22,48
- Trình độ khác	: 73	56,59
▪ Phân theo thời hạn hợp đồng lao động	: 129	100
- HĐLĐ không thời hạn	: 52	40,31
- HĐLĐ có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng	: 49	37,98
- HĐLĐ dưới 12 tháng	: 28	21,71
▪ Phân theo hình thức lao động	: 129	100
- Lao động gián tiếp	: 103	79,84
- Lao động trực tiếp	: 26	20,16

Nguồn : Bê tông Dinco

9.2 Chính sách đối với người lao động

❖ Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h30'. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh, Công ty có thể yêu cầu cán bộ nhân viên làm thêm giờ và thực hiện các chế độ trợ cấp thêm giờ theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ

thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty khi nghỉ ốm sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả theo Luật Lao động. Trong thời gian nghỉ thai sản (06 tháng) người lao động sẽ được nhận trợ cấp thai sản tương đương 06 tháng tiền lương do quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty bố trí văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt trong toàn Công ty.

❖ **Chính sách tuyển dụng, đào tạo:**

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Những lao động đảm nhận vị trí cao được Công ty chọn lựa kỹ càng nhằm đáp ứng được năng lực trình độ và kinh nghiệm theo yêu cầu của công việc.

Đào tạo: Công ty hết sức chú trọng đến công tác đào tạo nguồn nhân lực thông qua việc xây dựng, ban hành Quy chế “**Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực**”. Công ty thường xuyên tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn tại Công ty và cử cán bộ, công nhân kỹ thuật tham dự các khoá đào tạo chuyên đề để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về lĩnh vực của mình nhằm đáp ứng được yêu cầu công việc. Hiện nay Công ty đang chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có bằng Đại học, sau Đại học, ... để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Chính sách lương, thưởng:**

Chính sách lương: Công ty áp dụng thang bảng lương tiên tiến tự xây dựng phù hợp với đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty, người lao động được nhận tiền lương, tiền thưởng... căn cứ vào hợp đồng lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và kết quả công việc cụ thể của từng người theo Quy chế của Công ty. Hàng năm công ty tiến hành điều chỉnh lương cho toàn bộ cán bộ công nhân viên ít nhất một lần nhằm đảm bảo nguồn thu nhập của cán bộ công nhân viên ngày càng cải thiện, tạo sự gắn kết lâu dài của CBCNV với Công ty và thu hút các lao động có trình độ cao. Mức thu nhập bình quân năm 2014 của CBCNV trong công ty là 6.762.000 đồng. Căn cứ vào năng lực làm việc, hiệu quả công việc của từng cá nhân trong năm 2014, tháng 01/2015 Công ty đã tiến hành điều chỉnh tăng lương cho CBCNV với mức tăng trung bình từ 10% → 20%.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, ngoài các quyền lợi được quy định bởi Luật Lao động, cán bộ nhân viên trong Công ty còn được hưởng một số quyền lợi khác như ưu tiên mua cổ phiếu ưu đãi của Công ty khi công ty phát hành cổ phiếu chào bán. Mức độ ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của bản thân người lao động cho Công ty. Định kỳ hàng tháng, hàng năm căn cứ vào thành tích của các cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, chống lãng phí Công ty sẽ có mức khen thưởng hợp lý. Ngoài ra, công ty còn có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân tố cáo các hành vi tiêu cực trong công ty.

Bên cạnh đó, Công ty cũng xử lý, kỷ luật thích đáng những cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến hình ảnh và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động:

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, nội quy lao động. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Các chế độ bảo hiểm cho người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ theo Luật lao động. Hàng năm công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên. Cùng với đó để tạo sự thư giãn sau những ngày làm việc vất vả, tạo sự gắn kết giữa các bộ phận trong Công ty, hàng năm vào các dịp lễ tết Công ty luôn tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao giữa các bộ phận. Đồng thời Công ty thường xuyên tổ chức cho CBCNV và người thân trong gia đình đi tham quan, nghỉ mát.

10. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn.

Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 6 tháng nhưng không vượt quá mức số cổ tức dự kiến.

Kể từ khi bắt đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần từ năm 2010, Công ty

tiến hành chi trả cổ tức qua các năm như sau:

Bảng 13. Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty qua các năm

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Ghi chú
2010	15%	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2011	20%	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2012	20%	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2014	13,5%	Trả cổ tức bằng cổ phiếu

Nguồn : Bê tông Dinco

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam.

❖ Trích khấu hao tài sản cố định

Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2014 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau.

Loại tài sản	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 09 năm
Máy móc, thiết bị	04 – 10 năm
Phương tiện vận tải	04 – 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

❖ Mức lương bình quân của người lao động

Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2014 là 6.762.000 đồng/người/tháng, dự kiến năm 2015 đạt 7.500.000 đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập cao so với các doanh nghiệp khác trong ngành và so với các doanh nghiệp khác trong cùng địa phương. Điều này cho thấy chính sách đãi ngộ đối với người lao động và hiệu quả sử dụng lao động của Công ty là tốt.

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp khác theo đúng quy định của Nhà nước.

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo Luật doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng quỹ hàng năm do ĐHĐCĐ của Công ty quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo pháp luật hiện hành. Số dư các quỹ qua các năm:

Bảng 14. Số dư các quỹ sau hợp nhất của Công ty

ĐVT: Đồng

Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014 (Hợp nhất)	31/03/2015 (Hợp nhất)
Quỹ đầu tư phát triển	5.431.903.219	5.883.219	2.158.128.623
Quỹ dự phòng tài chính (*)	2.152.245.404	2.152.245.404	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.311.534.358	974.312.979	476.812.979

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014 và BCTC hợp nhất quý 1/2015 của Bê tông Dinco

Bảng 15. Số dư các quỹ của Công ty mẹ

ĐVT: Đồng

Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014 (Công ty mẹ)	31/03/2015 (Công ty mẹ)
Quỹ đầu tư phát triển	5.431.903.219	5.883.219	2.158.128.623
Quỹ dự phòng tài chính (*)	2.152.245.404	2.152.245.404	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.311.534.358	1.011.413.779	555.913.779

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2014 và BCTC riêng quý 1/2015 của Bê tông Dinco

(*) Số dư Quỹ dự phòng tài chính năm 2014 chuyển sang Quỹ đầu tư phát triển theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

❖ **Tổng dư nợ vay****Bảng 16.** Tình hình dư nợ vay của Công ty mẹ

ĐVT: Đồng

Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014 (Công ty mẹ)	31/03/2015 (Công ty mẹ)
-----------	------------	----------------------------	----------------------------

Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014 (Công ty mẹ)	31/03/2015 (Công ty mẹ)
I. Vay và nợ ngắn hạn	20.555.654.259	19.814.497.249	18.163.971.500
1. Vay ngắn hạn	14.188.007.077	18.653.215.649	18.163.971.500
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Đà Nẵng	14.188.007.077	18.653.215.649	18.163.971.500
2. Nợ dài hạn đến hạn trả	6.367.647.182	1.161.281.600	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Đà Nẵng	4.562.000.000	1.161.281.600	-
- Công ty cho thuê Tài chính II - NH Đầu tư và Phát triển - CN Đà Nẵng	1.805.647.182	-	-
II. Vay và nợ dài hạn	2.225.011.600	-	4.410.281.600
1. Vay dài hạn	1.613.781.600	-	4.410.281.600
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Đà Nẵng	1.613.781.600	-	4.410.281.600
2. Nợ dài hạn	611.230.000	-	-
- Công ty cho thuê Tài chính II - NH Đầu tư và Phát triển - CN Đà Nẵng	611.230.000	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2014 và BCTC riêng quý 1/2015 của Bê tông Dinco

Chi tiết tình hình dư nợ vay tại BCTC riêng của Công ty mẹ tại 31/3/2015:

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/3270430/HĐTD ngày 02/7/2014, tổng hạn mức 25.000.000.000 đồng, thời hạn rút vốn của Hợp đồng từ ngày 02/07/2014 đến ngày 30/06/2015. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Lãi suất được xác định trong từng lần rút vốn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Đến 31/03/2015, dư nợ vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đà Nẵng là 18.163.971.500 đồng, gồm 12 lần rút vốn, lãi suất của các khoản nợ vay ngắn hạn này là 7%.

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/3270430/HĐTD ngày 12/02/2015, mục đích vay: đầu tư 03 xe trộn bê tông hiệu Hyundai, lãi suất 10%/năm. Đến 31/03/2015, dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đà Nẵng là 4.410.281.600 đồng.

❖ *Tình hình công nợ hiện nay***Bảng 17.** *Tình hình công nợ sau hợp nhất của Công ty*

DVT: Đồng

Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014 (Hợp nhất)	31/03/2015 (Hợp nhất)
<u>Các khoản phải thu</u>	<u>32.779.255.855</u>	<u>65.811.427.465</u>	<u>71.920.966.105</u>
Phải thu của khách hàng	35.629.193.301	65.691.623.279	71.825.079.119
Trả trước cho người bán	41.950.000	3.228.380.092	3.293.438.171
Các khoản phải thu khác	301.783.519	208.721.079	119.745.800
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.193.670.965)	(3.317.296.985)	(3.317.296.985)
<u>Các khoản phải trả</u>	<u>43.814.323.801</u>	<u>51.584.074.765</u>	<u>55.799.918.715</u>
Vay và nợ ngắn hạn	20.555.654.259	21.183.641.361	18.163.971.500
Phải trả cho người bán	17.529.328.424	22.180.113.452	24.340.253.413
Người mua trả tiền trước	30.665.000	492.336.720	561.225.811
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.332.698.586	1.716.458.320	3.112.909.725
Phải trả người lao động	717.193.907	1.512.898.731	1.106.976.886
Chi phí phải trả	43.251.246	22.191.681	23.214.973
Các khoản phải trả, phải nộp khác	68.986.421	3.453.421.521	3.604.271.828
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.311.534.358	974.312.979	476.812.979
Vay và nợ dài hạn	2.225.011.600	48.700.000	4.410.281.600

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014 và BCTC hợp nhất quý 1/2015 của Bê tông Dinco***Bảng 18.** *Tình hình công nợ của Công ty mẹ*

DVT: Đồng

Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014 (Công ty mẹ)	31/03/2015 (Công ty mẹ)
<u>Các khoản phải thu</u>	<u>32.779.255.855</u>	<u>59.356.418.075</u>	<u>63.434.041.786</u>
Phải thu của khách hàng	35.629.193.301	58.992.874.919	63.047.586.177
Trả trước cho người bán	41.950.000	3.209.382.277	3.255.446.145
Các khoản phải thu khác	301.783.519	55.647.944	32.496.529
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.193.670.965)	(2.901.487.065)	(2.901.487.065)
<u>Các khoản phải trả</u>	<u>43.814.323.801</u>	<u>43.590.553.443</u>	<u>48.621.231.830</u>
Vay và nợ ngắn hạn	20.555.654.259	19.814.497.249	18.163.971.500
Phải trả cho người bán	17.529.328.424	19.972.515.654	22.337.271.847

Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014 (Công ty mẹ)	31/03/2015 (Công ty mẹ)
Người mua trả tiền trước	30.665.000	108.209.500	357.393.591
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.332.698.586	1.544.343.829	1.856.989.817
Phải trả người lao động	717.193.907	1.116.744.825	794.673.590
Chi phí phải trả	43.251.246	19.828.607	23.214.973
Các khoản phải trả, phải nộp khác	68.986.421	3.000.000	121.521.133
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.311.534.358	1.011.413.779	555.913.779
Vay và nợ dài hạn	2.225.011.600	-	4.410.281.600

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2014 và BCTC riêng quý 1/2015 của Bê tông Dinco

Chi tiết tình hình công nợ tại BCTC hợp nhất 2014 và quý 1/2015:

DVT: Đồng

Stt	Công nợ tại các công ty	31/12/2014	31/3/2015
I	Công ty CP Pacific Dinco	57.705.397.002	60.807.708.432
1	XN Thi công cầu 6 - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6	2.886.940.000	1.521.555.000
2	Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh địa ốc Hoà Bình	4.791.415.000	5.357.350.000
3	Công ty TNHH Sichuan Huashi	9.480.111.190	8.108.964.200
4	Công ty CP Dinco	13.946.333.203	14.760.521.423
5	Đối tượng khác	26.600.597.609	31.059.317.809
II	Công ty CP Bê tông Dinco Chu Lai	5.151.084.527	6.204.169.537
III	Công ty CP Khoáng sản Sơn Phước	2.835.141.750	4.813.201.150
Tổng cộng		65.691.623.279	71.825.079.119

Nguồn: Bê tông Dinco

Với đặc điểm hoạt động của Công ty có liên quan đến công tác nghiệm thu công trình xây dựng nên thông thường hồ sơ thanh toán khối lượng bê tông bán ra được xác định 1 tháng 1 lần. Một số hợp đồng thanh toán 80% khối lượng cung cấp trong tháng, 20% giữ lại đến khi nghiệm thu công trình mới thanh toán. Ngoài ra, một số khách hàng mà Công ty cung cấp khối lượng bê tông hàng tháng rất lớn (từ 3 - 6 tỷ đồng), số lượng khách hàng nhiều (trên 50 khách hàng) dẫn đến khoản phải thu của Công ty luôn có số dư lớn tại thời điểm cuối kỳ. Do vậy, những khoản phải thu trên sẽ được thu hồi sau khi công trình được hoàn thành hoặc được khách hàng thanh toán gộp đầu vào tháng tiếp theo. Những khoản phải thu khó đòi Công ty đã trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số

228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, tổng số phải thu khó đòi đã trích lập dự phòng đến 31/3/2015 là 3.317.296.985 đồng.

- Chi tiết khoản dự phòng phải thu khó đòi:

ĐVT: Đồng

Stt	Tại các công ty	31/12/2014	31/3/2015
I	Công ty CP Pacific Dinco	2.901.487.065	2.901.487.065
1	Công ty 508 - Cầu Rồng	962.624.000	962.624.000
2	Cty CP Đầu tư XD TVTK Constrexim (Nút mạng VT)	439.274.772	439.274.772
3	C.Ty CP kiến trúc cảnh quan mạnh cường An	358.566.898	358.566.898
4	Công ty CP XD & Kinh doanh Địa ốc Tân Kỳ	304.744.895	304.744.895
5	Công ty 508 (KS Bạch Đằng)	-	-
6	Đối tượng khác	836.276.500	836.276.500
II	Công ty CP Bê tông Dinco Chu Lai	137.989.750	137.989.750
III	Công ty CP Khoáng sản Sơn Phước	277.820.170	277.820.170
Tổng cộng		3.317.296.985	3.317.296.985

Nguồn: Bê tông Dinco

❖ **Khoản đầu tư dài hạn khác**

Bảng 19. Số dư khoản đầu tư dài hạn khác sau hợp nhất của Công ty

ĐVT: Đồng

Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014 (Hợp nhất)	31/03/2015 (Hợp nhất)
Đầu tư dài hạn khác	860.000.000	60.000.000	60.000.000
Công ty CP Bê tông Dinco Chu Lai	800.000.000	-	-
Công ty CP Pacific Dinco Hà Tĩnh	60.000.000	60.000.000	60.000.000

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014 và BCTC hợp nhất quý 1/2015 của Bê tông Dinco

Bảng 20. Số dư khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty mẹ

ĐVT: Đồng

Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014 (Công ty mẹ)	31/03/2015 (Công ty mẹ)
Đầu tư dài hạn khác	860.000.000	60.000.000	60.000.000

Công ty CP Bê tông Dinco Chu Lai	800.000.000	-	-
Công ty CP Pacific Dinco Hà Tĩnh	60.000.000	60.000.000	60.000.000

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2014 và BCTC riêng quý 1/2015 của Bê tông Dinco

❖ **Hàng tồn kho**

Bảng 21. Hàng tồn kho sau hợp nhất của Công ty

ĐVT: Đồng

Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014 (Hợp nhất)	31/03/2015 (Hợp nhất)
Hàng tồn kho	4.018.562.409	8.590.765.702	7.035.161.668

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014 và BCTC hợp nhất quý 1/2015 của Bê tông Dinco

Bảng 22. Hàng tồn kho của Công ty mẹ

ĐVT: Đồng

Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014 (Công ty mẹ)	31/03/2015 (Công ty mẹ)
Hàng tồn kho	4.018.562.409	3.646.572.890	4.053.992.286

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng năm 2014 và BCTC riêng quý 1/2015 của Bê tông Dinco

Chi tiết Hàng tồn kho tại BCTC hợp nhất 2014 và quý 1/2015:

ĐVT: Đồng

Stt	Tại các công ty	31/12/2014	31/3/2015
1	Công ty CP Pacific Dinco	3.646.572.890	4.053.992.286
2	Công ty CP Bê tông Dinco Chu Lai	2.313.575.808	2.435.306.456
3	Công ty cổ phần Khoáng sản Sơn Phước	2.630.617.004	545.862.926
Tổng cộng		8.590.765.702	7.035.161.668

Nguồn: Bê tông Dinco

Hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm 31/3/2015 có giá trị tương đối thấp, chủ yếu là nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 23. Các chỉ tiêu tài chính của Công ty

❖ Các chỉ tiêu	Đvt	Năm 2013	Năm 2014 (Công ty mẹ)	Năm 2014 (Hợp nhất)
----------------	-----	----------	--------------------------	------------------------

❖ Các chỉ tiêu	Đvt	Năm 2013	Năm 2014 (Công ty mẹ)	Năm 2014 (Hợp nhất)
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,08	1,58	1,64
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,98	1,50	1,47
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	44,44	33,56	35,96
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	79,97	50,52	58,40
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	30,52	45,70	27,89
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình	Lần	1,06	1,66	1,58
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số LNST/DTT	%	1,48	3,18	4,25
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,32	8,57	11,31
- Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	0,16	5,29	6,70
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DTT	%	0,18	4,23	4,31

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014 (BC riêng và hợp nhất) của Bê tông Dinco

12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ
I Hội đồng quản trị		
1	Ông Lê Trường Kỳ	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	Phó chủ tịch HĐQT
3	Ông Đặng Tiến Đức	Thành viên HĐQT
4	Ông Đinh Ngọc Đạm	Thành viên HĐQT
5	Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên HĐQT
II Ban Tổng Giám đốc		
1	Ông Đặng Tiến Đức	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Văn Triều	Phó Tổng giám đốc
3	Bà Nguyễn Thị Thảo	Phó Tổng giám đốc
III Ban kiểm soát		
1	Ông Lê Anh Long	Trưởng BKS

TT	Họ và tên	Chức vụ
2	Ông Chu Văn Tuấn	Thành viên BKS
3	Bà Nguyễn Thị Minh Phượng	Thành viên BKS
IV	Kế toán trưởng	
1	Ông Phạm Văn Phước	Kế toán trưởng

12.1 Hội đồng Quản trị

❖ *Chủ tịch HĐQT - Ông Lê Trường Kỳ*

- Họ và tên: Lê Trường Kỳ
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/01/1973
- Nơi sinh: Đà Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 26, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
- CMTND số: 201250359, Nơi cấp: CA Đà Nẵng, Ngày cấp: 12/08/2010
- Điện thoại liên hệ: 0913 401 331
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng dân dụng & công nghiệp,
- Chuyên môn khác: Chứng chỉ quản trị kinh doanh - Highmark Incorporated, Atlanta, Georgia USA.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dinco
 - Phó chủ tịch Hội doanh nghiệp trẻ Đà Nẵng.
 - Phó Giám đốc Hiệp hội nhà thầu xây dựng - chi nhánh miền Trung.
 - Ban chấp hành Hội xây dựng thành phố Đà Nẵng.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1996 → 2000	Công ty xây dựng Dầu khí – Bộ Xây dựng – Chi nhánh Hồ Chí Minh	Cán bộ kỹ thuật
Từ 2000 → 2003	Xí nghiệp xây dựng cơ sở hạ tầng Đà Nẵng	Đội trưởng đội xây dựng số 3
Từ 2003 → nay	Công ty cổ phần Dinco	Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc

Từ 2009 → nay	Hội doanh nghiệp trẻ Đà Nẵng	Phó Chủ tịch
Từ 2011 → nay	Hiệp hội nhà thầu xây dựng – Chi nhánh miền Trung	Phó Giám đốc
Từ 2012 → nay	Ban chấp hành Hội xây dựng thành phố Đà Nẵng	-
Từ 2010 → 03/2013	Công ty cổ phần Pacific Dincó	Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2013 → 10/2014	Công ty cổ phần Pacific Dincó	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 10/2014 → nay	Công ty cổ phần Pacific Dincó	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - *Sở hữu cá nhân:* 127.764 cổ phần, chiếm 1,58% vốn điều lệ
 - *Sở hữu đại diện:* 1.760.688 cổ phần, chiếm 21,74% vốn điều lệ
 - *Số cổ phần sở hữu của những người có liên quan:* 336.957 cổ phần, chiếm 4,16% trong đó:

TT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng nắm giữ
1	Huỳnh Phước Huyền Vy	Vợ	332.306
2	Trà Thị Khôi	Chị gái	4.651

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Hội đồng quản trị, lương quản lý.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

❖ **Phó Chủ tịch HĐQT - Bà Huỳnh Phước Huyền Vy**

- Họ và tên: Huỳnh Phước Huyền Vy
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 11/05/1975
- Nơi sinh: Đà Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 26, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- CMTND số: 201234292, Nơi cấp: CA Đà Nẵng, Ngày cấp: 07/08/2007.
- Điện thoại liên hệ: 0905 879 679
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế;
- Chuyên môn khác: Chứng chỉ quản trị kinh doanh - Highmark Incorporated, Atlanta, Georgia USA.

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dinco.
 - Tổng giám đốc Công ty cổ phần bê tông Dinco Chu Lai.
 - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản Sơn Phước.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1996 → 1999	Công ty quảng cáo Nguyễn Phương	Nhân viên
Từ 2000 → 2002	Công ty Bảo hiểm nhân thọ Manulife	Nhân viên
Từ 2002 → 2009	Công ty TNHH Phát Lợi	Giám đốc
Từ 2003 → nay	Công ty cổ phần Dinco	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Từ 2010 → nay	Công ty cổ phần Khoáng sản Sơn Phước	Chủ tịch HĐQT
Từ 2012 → nay	Công ty CP bê tông Dinco Chu Lai	Tổng giám đốc
Từ 2010 → 03/2013	Công ty cổ phần Pacific Dinco	Phó chủ tịch HĐQT
Từ 03/2013 → 10/2014	Công ty cổ phần Pacific Dinco	Chủ tịch HĐQT
Từ 10/2014 → nay	Công ty cổ phần Pacific Dinco	Phó chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - *Sở hữu cá nhân:* 332.306 cổ phần, chiếm 4,1%
 - *Sở hữu đại diện:* 0 cổ phần
 - *Số cổ phần sở hữu của những người có liên quan: 131.891 cổ phần, chiếm 1,63% trong đó:*

TT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng nắm giữ
1	Lê Trường Kỳ	Chồng	127.764
2	Huỳnh Phước Bảo Nguyên	Em trai	4.127

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Hội đồng quản trị, lương.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

❖ **Thành viên HĐQT - Ông Đặng Tiến Đức**

- Họ và tên: Đặng Tiến Đức
- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 02/11/1977
- Nơi sinh: xã Cửu An, huyện An Khê, tỉnh Gia Lai
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 12, phường Tam Thuận, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- CMTND số: 201636661, Nơi cấp: CA Đà Nẵng, Ngày cấp: 16/08/2008
- Điện thoại liên hệ: 0903 573 113
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp; Kỹ sư vật liệu xây dựng.
- Chuyên môn khác: Chứng chỉ quản trị kinh doanh - Highmark Incorporated, Atlanta, Georgia USA.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần bê tông Dinco Chu Lai.
 - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản Sơn Phước.
 - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Pacific Dinco Hà Tĩnh.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2000 → 2003	Công ty Tư vấn, Xây dựng và Đầu tư	Kỹ sư chất lượng
Từ 2003 → 2004	Công ty Tư vấn, Xây dựng và Đầu tư	Trưởng phòng Kiểm soát chất lượng
Từ 2004 → 2005	Công ty tư vấn xây dựng 533	Trưởng phòng Tư vấn Thí Nghiệm
Từ 2005 → 2006	Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Đà Nẵng - Sở Xây dựng Đà Nẵng	Trưởng phòng Thí nghiệm vật liệu
Từ 2007 → 2010	Xí nghiệp bê tông Dinco – Công ty cổ phần Dinco	Giám đốc
Từ 2010 → nay	Công ty cổ phần Pacific Dinco	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Từ 2010 → nay	Công ty cổ phần Khoáng sản Sơn Phước	Thành viên HĐQT
Từ 2012 → nay	Công ty cổ phần bê tông Dinco Chu Lai	Phó Tổng giám đốc

Từ 06/2013 → nay	Công ty cổ phần Pacific Dinco Hà Tĩnh	Chủ tịch HĐQT
------------------	---------------------------------------	---------------

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - *Sở hữu cá nhân:* 18.774 cổ phần, chiếm 0,23% vốn điều lệ
 - *Sở hữu đại diện:* 0 cổ phần
 - *Số cổ phần sở hữu của những người có liên quan:* 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Hội đồng quản trị, lương.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

❖ **Thành viên HĐQT - Ông Đinh Ngọc Đạm**

- Họ và tên: Đinh Ngọc Đạm
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/01/1954
- Nơi sinh: Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 99A Núi Thành, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
- CMTND số: 200782723, Nơi cấp: CA Đà Nẵng, Ngày cấp: 10/06/2010
- Điện thoại liên hệ: 0913 401 603
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 07/1979 → 01/1983	Công ty cao su Đà Nẵng	Trưởng ca
Từ 02/1984 → 1988	Công ty cao su Đà Nẵng	Quản đốc
Từ 1989 → 1990	Công ty cao su Đà Nẵng	Trưởng phòng kỹ thuật
Từ 1991 → 05/1994	Công ty Liên doanh Sovietcom (Nga)	Phó Tổng giám đốc
Từ 06/1994 → 06/2001	Công ty cao su Đà Nẵng	Phó Tổng giám đốc
Từ 07/2001 → 01/2014	Công ty cao su Đà Nẵng	Tổng giám đốc
Từ 02/2014 → 12/2014	Nghỉ hưu	
Từ 12/2014 → nay	Công ty cổ phần Pacific Dinco	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - *Sở hữu cá nhân:* 151.500 cổ phần, chiếm 1,87% vốn điều lệ
 - *Sở hữu đại diện:* 0 cổ phần
 - *Số cổ phần sở hữu của những người có liên quan:* 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Hội đồng quản trị
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

❖ **Thành viên HĐQT - Bà Nguyễn Thị Kim Liên**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Liên
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 29/09/1955
- Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 20/6 Ông Ích Khiêm, phường Thanh Bình, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
- CMTND số 200022881, Nơi cấp: CA Đà Nẵng, Ngày cấp: 22/08/2009
- Điện thoại liên hệ: 0913 414 415
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân văn khoa
- Chuyên môn khác: Chứng chỉ quản trị kinh doanh - Highmark Incorporated, Atlanta, Georgia USA.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Ân Diễn
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1980 → 1995	Kho hàng Cảng Đà Nẵng	Cán bộ thống kê
Từ 1996 → 2003	Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Ân Diễn	Thủ Quỹ
Từ 2004 → nay	Công ty TNHH kinh doanh tổng hợp Ân Diễn	Giám đốc
Từ 12/2014 → nay	Công ty cổ phần Pacific Dinco	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - *Sở hữu cá nhân:* 100.000 cổ phần, chiếm 1,23% vốn điều lệ

- *Sở hữu đại diện:* 0 cổ phần
- *Số cổ phần sở hữu của những người có liên quan:* 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Hội đồng quản trị
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

12.2 Ban Tổng Giám đốc

❖ Tổng Giám đốc – Ông Đặng Tiến Đức

Sơ yếu lý lịch đã được trình bày ở Mục 12.1.

❖ Phó Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Văn Triều

- Họ và tên: Nguyễn Văn Triều
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 16/03/1978
- Nơi sinh: Đà Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 180 Quang Trung, phường Thanh Bình, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
- CMTND số: 201410247, Nơi cấp: CA. Đà Nẵng, Ngày cấp: 20/08/2013
- Điện thoại liên hệ: 0905 135 452
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Chuyên môn khác: Chứng chỉ quản trị kinh doanh - Highmark Incorporated, Atlanta, Georgia USA.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2001 → 2003	Nhà máy vi mạch Cosevco 19	Cán bộ Kỹ thuật
Từ 2003 → 2005	Xí nghiệp cơ khí xây dựng 591	Trưởng phòng Kỹ thuật
Từ 2005 → 2008	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sico – Pacific	Phó Giám đốc
Từ 2008 → 01/2010	Xí nghiệp bê tông Dinco – Công ty cổ phần Dinco	Trưởng phòng kinh doanh
Từ 01/2010 → 04/2011	Công ty cổ phần Pacific Dinco	Trưởng phòng kinh doanh

Từ 05/2011 → nay	Công ty cổ phần Pacific Dinco	Phó Tổng giám đốc
------------------	-------------------------------	-------------------

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - *Sở hữu cá nhân:* 9.697 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ
 - *Sở hữu đại diện:* 0 cổ phần
 - *Số cổ phần sở hữu của những người có liên quan:* 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

❖ **Phó Tổng Giám đốc – Bà Nguyễn Thị Thảo**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thảo
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 02/09/1977
- Nơi sinh: Điện Hòa – Điện Bàn – Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 40, phường Hòa An, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
- CMTND số: 201321988, Nơi cấp: CA. Đà Nẵng, Ngày cấp: 07/08/2008
- Điện thoại liên hệ: 0905 090 195
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2000 → 2003	Công ty Xây dựng và phục vụ việc làm Thanh niên xung phong – Đà Nẵng	Nhân viên kế toán
Từ 2004 → 07/2009	Công ty cổ phần VinaMobi	Trưởng phòng kế toán.
Từ 08/2009 → 01/2010	Xí nghiệp bê tông Dinco – Công ty cổ phần Dinco	Kế toán trưởng
Từ 01/2010 → 11/2014	Công ty cổ phần Pacific Dinco	Kế toán trưởng
Từ 01/2014 → nay	Công ty cổ phần Pacific Dinco	Phó Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- *Sở hữu cá nhân:* 3.000 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ
- *Sở hữu đại diện:* 0 cổ phần
- *Số cổ phần sở hữu của những người có liên quan:* 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

12.3 Ban Kiểm soát

❖ *Trưởng Ban Kiểm soát – Ông Lê Anh Long*

- Họ và tên: Lê Anh Long
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/05/1976
- Nơi sinh: Quỳnh Lưu, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 124, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.
- CMTND số: 201647090, Nơi cấp: Công an Đà Nẵng, Ngày cấp: 28/04/2009.
- Điện thoại liên hệ: 0905 244 099
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Dinco.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/2004 → 08/2006	Ban quản lý dự án thủy điện An Điền II	Kế toán trưởng
Từ 08/2006 → 07/2007	Trung tâm TV và đầu tư Kỳ Hà – Chu Lai	Kế toán trưởng
Từ 07/2007 → 06/2013	Công ty cổ phần Dinco	Phó phòng kế toán
Từ 06/2013 → nay	Công ty cổ phần Dinco	Kế toán trưởng
Từ 01/2010 → 06/2014	Công ty cổ phần Pacific Dinco	Thành viên BKS
Từ 07/2014 → nay	Công ty cổ phần Pacific Dinco	Trưởng BKS

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - *Sở hữu cá nhân:* 5.000 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ

- *Sở hữu đại diện:* 0 cổ phần
- *Số cổ phần sở hữu của những người có liên quan:* 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Ban kiểm soát
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

❖ **Thành viên Ban Kiểm soát – Ông Chu Văn Tuấn**

- Họ và tên: Chu Văn Tuấn
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 19/10/1970
- Nơi sinh: Đà Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 30, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
- CMTND số: 201083763, Nơi cấp: CA. Đà Nẵng Ngày cấp: 25/11/2010
- Điện thoại liên hệ: 0905 337 101
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Kiểm toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên BKS
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Phòng Kế toán Công ty cổ phần Dinco
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2000 → 2008	Công ty Xây dựng và Dịch vụ Tổng hợp số VII	Trưởng phòng kiểm soát nội bộ
Từ 2008 → nay	Công ty cổ phần Dinco	Phó phòng Kế toán
Từ 01/2010 → nay	Công ty cổ phần Pacific Dinco	Thành viên BKS

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - *Sở hữu cá nhân:* 0 cổ phần
 - *Sở hữu đại diện:* 0 cổ phần
 - *Số cổ phần sở hữu của những người có liên quan:* 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Ban kiểm soát
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

❖ **Thành viên Ban Kiểm soát – Bà Nguyễn Thị Minh Phượng**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Minh Phượng
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 12/07/1987
- Nơi sinh: Đà Nẵng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: K135/02, đường 2/9, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- CMTND số: 201524885, Nơi cấp: CA Đà Nẵng, Ngày cấp: 15/06/2004
- Điện thoại liên hệ: 0906 462 233
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế- Chuyên ngành kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên BKS
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Phòng Kế toán Công ty cổ phần Dinco
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2011 → 2013	Công ty cổ phần Dinco	Nhân viên kế toán
Từ 06/2013 → nay	Công ty cổ phần Dinco	Phó phòng kế toán
Từ 07/2014 → nay	Công ty cổ phần Pacific Dinco	Thành viên BKS

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - *Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần*
 - *Sở hữu đại diện: 0 cổ phần*
 - *Số cổ phần sở hữu của những người có liên quan: 0 cổ phần*
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Ban kiểm soát
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

12.4 Kế toán trưởng

- Họ và tên: Phạm Văn Phước
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/06/1981
- Nơi sinh: xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam

- CMTND số: 205029339, Nơi cấp: CA.Quảng Nam, Ngày cấp: 18/07/2006
- Điện thoại liên hệ: 0935 729 796
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2006 → 2008	Công ty TNHH Alpha (Nga)	Nhân viên kế toán
Từ 2008 → 05/2011	Công ty cổ phần Dinco	Nhân viên kế toán
Từ 05/2011 → 12/2014	Công ty cổ phần Pacific Dinco	Phó phòng kế toán
Từ 12/2014 → nay	Công ty cổ phần Pacific Dinco	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - *Sở hữu cá nhân:* 0 cổ phần
 - *Sở hữu đại diện:* 0 cổ phần
 - *Số cổ phần sở hữu của những người có liên quan:* 0 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Lương
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

13. Tài sản

13.1 Tài sản cố định hữu hình

Bảng 24. *Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2014*

DVT : Đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/NG (%)
I	Hợp nhất	96.327.421.054	46.758.283.289	48,54
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	5.631.554.211	2.720.788.779	48,31
2	Máy móc, thiết bị	29.082.856.702	12.037.440.001	41,39
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	61.100.032.046	31.844.448.374	52,11
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	512.978.095	155.606.135	30,33
II	Công ty mẹ	85.239.516.034	40.369.218.483	47,36
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	2.760.474.415	1.112.931.916	40,32
2	Máy móc, thiết bị	25.447.168.924	10.101.432.125	39,70

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/NG (%)
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	56.565.864.283	29.022.733.149	51,31
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	466.008.412	132.121.293	28,35

Nguồn: BCTC kiểm toán 2014 (hợp nhất và công ty mẹ) của Bê tông Dinco

Bảng 25. Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 31/03/2015

DVT : Đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/NG (%)
I	Hợp nhất	117.866.393.202	54.613.228.615	46,33
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	5.631.554.211	2.533.945.890	45,00
2	Máy móc, thiết bị	40.207.340.847	14.843.649.729	36,92
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	71.514.520.049	37.105.643.708	51,89
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	512.978.095	129.989.288	25,34
II	Công ty mẹ	90.953.425.126	43.294.597.308	47,60
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	2.760.474.415	1.025.651.782	37,15
2	Máy móc, thiết bị	25.447.168.924	9.193.087.787	36,13
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	62.279.773.375	32.966.417.688	52,93
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	466.008.412	109.440.051	23,48

Nguồn: BCTC quý 1/2015 hợp nhất và công ty mẹ của Bê tông Dinco

13.2 Tài sản cố định thuê tài chính

Bảng 26. Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2014

DVT : Đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/NG (%)
I	Hợp nhất	15.803.269.805	6.232.395.536	39,44
1	Máy móc, thiết bị	11.107.860.894	4.173.114.237	37,57
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4.695.408.911	2.059.281.299	43,86
II	Công ty mẹ	-	-	-
1	Máy móc, thiết bị	-	-	-
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán 2014 (hợp nhất và công ty mẹ) của Bê tông Dinco

13.3 Danh sách các bất động sản của Công ty đang quản lý và sử dụng**Bảng 27.** *Danh sách bất động sản Công ty đang quản lý và sử dụng*

Bất động sản	Quy mô (m²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng đất	Quyền sử dụng
Lô C20 - C21 Cụm công nghiệp Thanh Vinh, Hòa Liên, Hòa Vang, Đà Nẵng	4.526	Lắp đặt trạm trộn sản xuất bê tông thương phẩm	20 năm (từ T1/2011 đến T12/2030)	Thuê đất trả tiền hàng năm
Tổ 38, Phường Hòa Thọ Tây, Q. Cẩm Lệ, Đà Nẵng	11.865	Lắp đặt trạm trộn sản xuất bê tông thương phẩm	20 năm (từ 2010 đến 2030)	Thuê đất trả tiền hàng năm
Thôn Phong Thử, xã Điện Thọ, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	2.180	Lắp đặt trạm trộn sản xuất bê tông thương phẩm	03 năm (từ T3/2014 đến T3/2017)	Thuê đất trả tiền hàng năm
233 Điện Biên Phủ, Q.Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	314	Làm Văn phòng giao dịch	20 năm (từ T2/2010 đến T1/2030)	Thuê nhà trả tiền hàng năm

*Nguồn: Bê tông Dinco***14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo****14.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2015**

Không ngừng cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động phát triển bền vững sản phẩm truyền thống của Công ty, thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

Tiếp tục duy trì và phát triển thị trường, không ngừng mở rộng thị trường, đặc biệt chú ý thị trường miền Nam, miền Trung.

Trong năm 2015 Công ty chủ yếu tập trung các nguồn lực để cung cấp bê tông, đá cho dự án đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, dự án đường Cao tốc La Sơn – Túy Loan và các dự án Công ty đã ký hợp đồng cung cấp bê tông thương phẩm như dự án cung cấp bê tông cho nhà máy Number One....

Tiến hành đầu tư thêm 5 xe trộn và 01 xe cần bơm để nâng cao năng lực sản xuất phục vụ cho thị trường Quảng Nam, Đà Nẵng.

Mở rộng đầu tư sang lĩnh vực xây dựng hạ tầng, san lấp mặt bằng và duy tu bảo dưỡng đường bộ.

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	
			Giá trị	% tăng (giảm) so với 2014
1	Vốn điều lệ	Đồng	81.000.000.000	-
2	Doanh thu thuần	Đồng	275.805.000.000	44,45%
3	Lợi nhuận sau thuế (*)	Đồng	16.775.000.000	107,26
4	Tỷ lệ LNST/DTT	%	6,08%	-
5	Tỷ lệ LNST/VĐL bình quân	%	20,71%	-
6	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%	15%	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 của Công ty

() Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ*

14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên của Công ty được lập căn cứ vào các dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin và giả định có được tại thời điểm lập kế hoạch. Các ước tính này có thể được điều chỉnh khi tình hình thực tế có nhiều thay đổi.

Hiện tại Công ty đã ký kết và đang triển khai 17 hợp đồng lớn với tổng giá trị gần 292 tỷ đồng (*Các hợp đồng được trình bày tại mục 6.11*). Trong đó có 10 hợp đồng Công ty đang thực hiện từ năm 2014 với tổng giá trị hợp đồng là 232,5 tỷ, trong năm 2015 dự kiến doanh thu từ các hợp đồng này đem lại là 138 tỷ và 7 hợp đồng mới được Công ty ký kết đầu năm 2015 với giá trị khoảng 59,5 tỷ đồng. Căn cứ vào tiến độ các dự án từ các hợp đồng đã ký kết, dự kiến năm 2015 doanh thu từ các hợp đồng đã ký kết mang về cho Công ty doanh thu khoảng 200 tỷ đồng. Song song với việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các hợp đồng đã ký kết, Công ty còn phải đẩy mạnh tìm kiếm đối tác để ký kết thêm các hợp đồng mới. Đặc biệt Công ty chú trọng vào các dự án trọng điểm là Đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, La Sơn – Túy Loan.

Ngoài ra, trong 2015, Công ty sẽ đẩy mạnh hoạt động thương mại bán đá thương phẩm và các sản phẩm có liên quan được sản xuất từ Công ty CP Khoáng sản Sơn Phước. Hoạt động này dự kiến đem về cho Công ty khoản doanh thu khoảng 25 tỷ đồng. Cùng với đó, dự kiến doanh thu từ Công ty CP Bê tông Dinco Chu Lai đem về cho Công ty khoảng 44 tỷ đồng.

Hiện nay, thị trường bất động sản đang dần hồi phục, theo định hướng của Ban Lãnh đạo, Công ty sẽ triển khai thêm lĩnh vực xây dựng hạ tầng, san lấp. Trong năm 2015, hoạt động này dự kiến mang về cho Công ty khoản doanh thu khoảng 8,7 tỷ đồng.

Theo Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1/2015 của Công ty, trong 3 tháng đầu năm 2015, doanh thu thuần đạt 68,8 tỷ đồng, tương ứng đạt 24,94% kế hoạch doanh thu năm 2015 và Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ là 5,33 tỷ đồng, tương ứng đạt 31,81% kế hoạch lợi nhuận năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Với những căn cứ nêu trên, Công ty hoàn toàn tin tưởng sẽ đạt được kế hoạch đã đề ra. Để hoàn thành tốt các kế hoạch nêu trên, Công ty đã đưa ra các giải pháp thực hiện cụ thể như sau:

❖ **Công tác kinh doanh**

- Tiếp tục gắn bó với dự án đường cao tốc Bắc Nam.
- Tăng cường công tác bán hàng tập trung vào khách hàng nhà dân và nhóm dự án trung bình (Các khách sạn mini, trụ sở văn phòng, nhà máy công nghiệp ...)
- Tìm kiếm từ 01 đến 02 dự án ở các tỉnh thành khác để lắp dựng thêm trạm trộn bê tông.
- Mở rộng đầu tư lĩnh vực xây dựng hạ tầng, san lấp
- Tăng cường công tác thu hồi nợ, đặc biệt chú trọng các khoản nợ quá hạn.
- Tiếp tục lựa chọn các khách hàng có khả năng thanh toán tốt và có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng.

❖ **Công tác sản xuất:**

- Kiểm soát chất lượng vật tư đầu vào, đồng thời kiểm soát chặt chẽ chất lượng bê tông trước khi xuất xưởng.
- Chấn chỉnh lại công tác an toàn lao động, tác phong làm việc của toàn thể nhân viên công ty.

❖ **Công tác phát triển nguồn nhân lực:**

- Hoàn thiện bộ máy quản lý của công ty. Đào tạo và bổ nhiệm thêm 1 số vị trí quản lý cấp cao để nâng cao năng lực quản lý, điều hành.
- Tuyển dụng thêm đội ngũ kỹ sư có tay nghề cao trong các ngành: Cơ khí, xây dựng dân dụng, vật liệu xây dựng, hóa – silicat.
- Xây dựng lại chế độ lương, thưởng hợp lý để khuyến khích các cán bộ, nhân viên có năng lực đồng thời thu hút thêm nhiều nhân sự giỏi.

❖ **Công tác đầu tư:**

- Thanh lý một số xe trộn Kamaz đã xuống cấp, đồng thời đầu tư thêm xe trộn mới đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất kinh doanh trong năm 2015.
- Đầu tư mua mới 01 xe bơm cần 52m để nâng cao chất lượng dịch vụ, khai thác tiềm năng sản xuất của công ty, không bỏ qua bất kỳ đơn đặt hàng nào của khách hàng.

14.3 Chiến lược phát triển của Công ty trong những năm tới

Trong điều kiện nền kinh tế Việt Nam đang tăng trưởng, thúc đẩy quá trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và sản xuất công nghiệp, khoáng sản đóng vai trò quan trọng trong khâu cung cấp nguyên vật liệu đầu vào cho quá trình sản xuất. Trước tình hình trên, Công ty đã có những định hướng chiến lược phát triển:

- Đôn đốc, hỗ trợ và thúc đẩy Công ty cổ phần Khoáng sản Sơn Phước trong lĩnh vực sản xuất đá, cung ứng đón đầu dự án đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, La Sơn – Túy Loan.
- Giữ vững và mở rộng thị phần cung cấp bê tông thương phẩm tại 02 thị trường truyền thống là Đà Nẵng và Quảng Nam bằng việc đầu tư thêm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất và nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng.
- Tập trung khai thác bán hàng cho các dự án lớn bằng cách lắp đặt trạm tại công trình nhằm giảm chi phí cho khách hàng. Dự kiến trong năm 2015 và các năm sắp tới Công ty tập trung vào các dự án: đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, La Sơn – Túy Loan, nhiệt điện Vĩnh Tân, các dự án của tổng thầu Marubeni, Doosan, Posco, Samsung, Jurong và các dự án có khối lượng bê tông >20.000m³.
- Mở rộng ngành nghề kinh doanh sang lĩnh vực xây lắp hạ tầng, duy tu bảo dưỡng đường bộ cho những gói thầu có quy mô vừa trên toàn lãnh thổ Việt Nam.
- Tiếp tục hoàn thiện các chương trình tăng cường quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật, giữ gìn tốt phương tiện, máy móc thiết bị và chỉ đạo thực hiện tốt các quy trình quy phạm trong bảo quản, vận hành sản xuất, đảm bảo an toàn về phương tiện, hàng hóa, con người và môi trường.
- Để có sản phẩm tốt phải có con người giỏi, chính vì vậy Công ty tập trung đào tạo, tuyển dụng cán bộ có trình độ cao, chuẩn bị nhân sự kế thừa cho sự phát triển của Công ty trong các năm tiếp theo...

- 15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

Không có

- 16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết**

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**1. Loại chứng khoán**

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng

3. Mã chứng khoán**PDB****4. Tổng số chứng khoán niêm yết**Tổng số chứng khoán niêm yết: **8.100.000** cổ phiếu**5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Công ty**

❖ Điều d, Khoản 1, Điều 54, Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán quy định: “*Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ*”

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	
			Trong vòng 06 tháng kể từ ngày niêm yết	Trong vòng 01 năm kể từ ngày niêm yết
1	Lê Trường Kỹ	Chủ tịch HĐQT	127.764	63.882
2	Huỳnh Phước Huyền Vy	P.Chủ tịch HĐQT	332.306	166.153
3	Đặng Tiến Đức	Thành viên HĐQT - TGD	18.774	9.387
4	Đinh Ngọc Đạm	Thành viên HĐQT	151.500	75.750
5	Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên HĐQT	100.000	50.000
6	Nguyễn Văn Triều	P.TGD	9.697	4.849
7	Nguyễn Thị Thảo	P.TGD	3.000	1.500
8	Lê Anh Long	Trưởng BKS	5.000	2.500
9	Công ty CP Dinco	Cổ đông lớn là	1.760.688	880.344

người có liên quan

Tổng số	2.508.729	1.254.365
----------------	------------------	------------------

(Nguồn : Bê tông Dinco)

6. Phương pháp tính giá:**6.1. Phương pháp giá trị sổ sách**

Dựa trên BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 (Riêng và hợp nhất) và BCTC quý 1/2015 (riêng và hợp nhất), giá trị sổ sách của một cổ phiếu Công ty cổ phần Pacific Dinco được tính như sau:

Giá trị sổ sách của cổ phiếu		Vốn chủ sở hữu Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2013	31/12/2014 (Công ty mẹ)	31/12/2014 (Hợp nhất)
Vốn chủ sở hữu (1)	Đồng	54.785.999.264	86.287.272.828	88.336.457.943
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (2)	Cổ phiếu	3.666.226	8.100.000	8.100.000
Giá trị 1 Cổ phần (3) = (1)/(2)	Đồng/cp	14.943	10.653	10.905

Chỉ tiêu	ĐVT	31/03/2015 (Công ty mẹ)	31/03/2015 (Hợp nhất)
Vốn chủ sở hữu (1)	Đồng	90.103.682.320	97.081.094.435
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (2)	Cổ phiếu	8.100.000	8.100.000
Giá trị 1 Cổ phần (3) = (1)/(2)	Đồng/cp	11.124	11.985

6.2. Phương pháp P/E bình quân

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Bê tông Dinco được tính theo công thức:

$$P = EPS * P/E \text{ bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (Theo phương pháp P/E)
- EPS: Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu
- P/E: Bình quân là giá chia cho thu nhập cơ bản bình quân được tham chiếu từ các công ty cùng ngành sản xuất bê tông mà Bê tông Dinco xét thấy có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương tự với công ty đang niêm yết trên Sở GDCK Hà Nội, Sở GDCK thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký giao dịch trên

sàn Upcom.

6.3. Phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Bê tông Dinco được tính theo công thức

$$P = BVS * P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- BVS: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
- P/B bình quân là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành sản xuất bê tông mà Bê tông Dinco xét thấy có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương tự với công ty đang niêm yết trên Sở GDCK Hà Nội, Sở GDCK thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký giao dịch trên sàn Upcom.

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp tính giá trên, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty cổ phần Pacific Dinco sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Pacific Dinco không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài.

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội thì các cổ đông là người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Trong trường hợp được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó quy định nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty niêm yết.

Đến thời điểm 15/04/2015, nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

8. Các loại thuế có liên quan

❖ Đối với Công ty:

Thuế thu nhập doanh nghiệp: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng là 22%.

Thuế giá trị gia tăng (VAT): thuế suất thuế giá trị gia tăng đang áp dụng là 10% đối với hoạt động bán bê tông thương phẩm, dịch vụ vận chuyển.

Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

❖ **Đối với các công ty con**

• **Công ty cổ phần Bê tông Dinco Chu Lai**

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Đối với dự án Tổ hợp nhà máy Gạch Bê tông khí chưng áp, sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn và bê tông thương phẩm: Áp dụng mức thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế, do đó Công ty được miễn thuế TNDN từ năm 2012 đến năm 2015 và giảm 50% từ năm 2016 đến năm 2024.
- Các hoạt động khác: Là doanh nghiệp có tổng doanh thu trong năm 2013 không quá 20 tỷ đồng. Công ty được áp dụng thuế suất TNDN 20% theo quy định tại Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính.

Thuế giá trị gia tăng (VAT): Áp dụng mức thuế suất 10% đối với bê tông thương phẩm

Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

• **Công ty cổ phần Khoáng sản Sơn Phước**

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 22%

Thuế giá trị gia tăng (VAT): Áp dụng mức thuế suất 10% đối hoạt động bán đá, vận chuyển đá.

Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

❖ **Đối với nhà đầu tư:**

Theo Nghị định 100/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 09 năm 2008 và Thông tư số 84/2008/TT-BTC hướng dẫn ngày 08/09/2008 thì các cá nhân hoạt động chuyển nhượng chứng khoán đều phải nộp thuế thu nhập cá nhân, với mức thuế suất được áp dụng là 20% trên thu nhập chịu thuế hoặc 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán. Đồng thời, lợi tức cổ phần của các cá nhân cũng chịu thuế thu nhập cá nhân. Ngoài ra, còn có các văn bản khác hướng dẫn cụ thể về chính sách thuế liên quan đến lĩnh vực đầu tư

chứng khoán. Các nhà đầu tư sẽ áp dụng các quy định gần nhất để tính và nộp thuế khi thực hiện hoạt động đầu tư.

Tổ chức đầu tư trong và ngoài nước có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp từ việc mua, bán cổ phiếu.

Tổ chức đầu tư nước ngoài không đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Địa chỉ: Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 3 655886

Fax: (0511) 3 655887

Email: aac@dng.vnn.vn

Website: <http://www.aac.com.vn>

VII. PHỤ LỤC

- 1.** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- 2.** Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty;
- 3.** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 (BC riêng và hợp nhất); BCTC quý 1/2015 (BC riêng và hợp nhất).

Đà Nẵng, ngày ... tháng ... năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN PACIFIC DINCO

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tổng giám đốc

LÊ TRƯỜNG KỶ

ĐẶNG TIẾN ĐỨC

Kế toán trưởng

Trưởng Ban Kiểm soát

PHẠM VĂN PHƯỚC

LÊ ANH LONG